# CHƯƠNG TRÌNH
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
(Ngày 22 tháng 6 năm 2020)

| | |
|---|---|
| **A. PHẦN NGHI THỨC** | |
| 08g00 – 08g30 | - Đón tiếp Đại biểu, Cổ đông;<br>- Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông/đại diện cổ đông có mặt<br>- Phát tài liệu và phiếu biểu quyết cho cổ đông/Đại diện cổ đông dự Đại hội. |
| 08g30 – 08g40 | Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, giới thiệu Chủ tọa. |
| 08g40 – 08g45 | Chủ tọa cử thư ký Đại hội. |
| 08g45 – 08g55 | Báo cáo thẩm tra tư cách Cổ đông. |
| 08g55 – 09g05 | Thông qua chương trình Đại hội, Quy chế làm việc và biểu quyết. |
| 09g05 – 09g10 | Chủ tọa thông qua danh sách Ban kiểm phiếu và biểu quyết thông qua. |
| **B. PHẦN NỘI DUNG TRÌNH ĐẠI HỘI THÔNG QUA** | |
| 09g10 – 09g30 | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020;<br>Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2019 và kế hoạch năm 2020. |
| 09g30 – 09g50 | Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;<br>Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019, tổng quỹ lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2020 và một số vấn đề khác. |
| 09g50 – 10g05 | Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019. |
| 10g05 – 10g20 | Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2019. |
| 10g20 – 10g30 | Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty. |
| 10g30 – 10g40 | Đại hội thảo luận và đóng góp ý kiến. |
| 10g40 – 10g50 | Hướng dẫn biểu quyết. |
| 10g50 – 11g00 | Đại hội giải lao, ban kiểm phiếu làm việc |
| 11h00 – 11g10 | Ban kiểm phiếu Công bố kết quả kiểm phiếu. |
| 11h10 – 11g15 | Đại hội biểu quyết Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội. |
| 11g15 – 11g20 | Bế mạc Đại hội. |

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**
**(STP-JSC)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2020*

# QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn. Thay mặt Chủ tọa Đoàn của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

**Điều 1. Nguyên tắc làm việc của Đại hội**

1.1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ.

2.2. Tất cả vì quyền lợi của cổ đông Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

**Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội**

Cổ đông Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn có tên trong danh sách chốt quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Trung tâm lưu ký chứng khoán có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 3. Điều kiện để Đại hội được tiến hành**

3.1. Khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

3.2. Cổ đông được bố trí đầy đủ chỗ ngồi thuận tiện để tham dự Đại hội.

**Điều 4. Trật tự của Đại hội**

4.1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự, trang nhã.

4.2. Cổ đông khi tham dự ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội sắp xếp.

4.3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

4.4. Sử dụng điện thoại ở chế độ rung, hạn chế đi lại và không nói chuyện riêng trong suốt thời gian Đại hội.

**Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền**

5.1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn và theo quy định của pháp luật.

5.2. Để được tham dự Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải mang theo thư mời, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác và giấy

ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) xuất trình cho Ban thẩm tra thẩm tra tư cách cổ đông kiểm tra tỷ lệ cổ đông để đăng ký tham dự Đại hội.

5.3. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký tham dự họp và có quyền biểu quyết các nội dung tiếp theo tại Đại hội. Chủ tọa đoàn không được dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

5.4. Cổ đông có quyền phát biểu ý kiến trực tiếp hoặc đóng góp ý kiến bằng văn bản và gửi cho Ban tổ chức Đại hội để giải quyết, ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội.

5.5. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa đoàn; không gây rối hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.

5.6. Khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội, cổ đông được nhận phiếu biểu quyết để tham gia biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội, để đảm bảo tỷ lệ phiếu biểu quyết, trong quá trình diễn ra đại hội, cổ đông hạn chế ra ngoài, trong trường hợp cổ đông có nhu cầu ra ngoài hoặc về sớm không trực tiếp tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền thì cổ đông phải thông báo với Ban tổ chức Đại hội để làm thủ tục ủy quyền, trường hợp cổ đông không làm thủ tục ủy quyền thì được xem như cổ đông đã ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đoàn**

6.1. Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình Đại hội, các thể lệ quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6.2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

6.3. Đoàn chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một các hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua.

6.4. Có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

6.4.1 Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

6.4.2 Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

**Điều 7. Trách nhiệm của Thư ký Đại hội**

7.1. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;

7.2. Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông và kịp thời báo cáo cho Chủ tọa đoàn xem xét giải trình cho cổ đông;

7.3. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các nội dung đã được thông qua tại Đại hội;

7.4. Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.

**Điều 8. Trách nhiệm của Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội**

8.1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

8.2. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

8.3. Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn được tiến hành.

**Điều 9. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu**

9.1. Điều hành và xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng nội dung cần biểu quyết tại Đại hội.

9.2. Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.

9.3. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu biểu quyết.

9.4. Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

**Điều 10. Thể lệ biểu quyết**

10.1. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội cung cấp phiếu biểu quyết theo những nội dung cần Đại hội biểu quyết thông qua. Trên phiếu biểu quyết có ghi rõ thông tin: Họ tên cổ đông; Mã số cổ đông; Tổng số cổ phần được quyền biểu quyết; Tổng số quyền biểu quyết (mỗi cổ phần được quyền biểu quyết tương ứng với một quyền biểu quyết).

10.2. Hình thức biểu quyết:

10.2.1 Đối với các nội dung: Thông qua quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết của Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; bầu Ban kiểm phiếu; Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội. Cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết công khai tại Đại hội theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: "Đồng ý", "Không đồng ý" hoặc "có ý kiến khác".

10.2.2 Đối với các nội dung khác cần lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội (trừ các nội dung đã nêu tại Điểm 10.2.1 Khoản 10.2 Điều 10 trên đây) sẽ được cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín. Trước khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết cho cổ đông cách thức biểu quyết theo hình thức này.

10.3. Thông qua Nghị quyết: Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham dự thống nhất thông qua.

**Điều 11. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

**Điều 12. Hiệu lực thi hành**

Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**
**(STP.JSC)**

Số: 13../ BC-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2020*

# BÁO CÁO
# TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2020

## Phần I
## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG KẾT NĂM 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Luật Giao thông Đường bộ còn chậm bổ sung, sửa đổi làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .

Bộ GTVT đã điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thêm các tuyến Vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ tại hai bến xe. Vì vậy, nhu cầu mở thêm tuyến và đưa xe vào hoạt động tại hai bến xe có chiều hướng tăng nhẹ, góp phần tăng các chỉ tiêu SXKD của Công ty. Tuy nhiên, việc quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 chưa phù hợp với nhu cầu đi lại của người dân nên khi có nhu cầu doanh nghiệp vận tải đăng ký khai thác tuyến không được mà phải chờ bổ sung vào quy hoạch.

Hiện nay các doanh nghiệp vận tải có thương hiệu chất lượng dịch vụ tốt đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng đã thay thế dần các doanh nghiệp truyền thống quy mô nhỏ lẻ, năng lực hạn chế, chất lượng dịch vụ không được nâng cao.

Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ có nhiều bất cập nhưng chưa được sửa đổi bổ sung nên quá trình thực hiện còn khó khăn.

Hàng không giá rẻ ngày một phát triển; Cạnh tranh không công bằng "xe dù", "bến cóc đang tạo ra mâu thuẫn rất gay gắt với xe kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định và gây mất trật tự, an toàn và ùn tắc giao thông ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Trước tình hình đó, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của Công ty nhìn chung ổn định, các chỉ tiêu năm 2019 của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

### II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019:

#### 1. Về Sản xuất kinh doanh:

#### 1.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | So sánh (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | TH2019/TH2018 | TH2019/KH2019 |
| | *A* | *B* | *1* | *2* | *3* | *4=3/1* | *5=3/2* |
| **A** | **Sản lượng** | | | | | | |
| 1 | Xe khách xuất bến | lượt | 192.223 | 191.080 | 205.409 | 106,9 | 107,5 |
| 2 | Hành khách LT qua bến | lượt | 4.598.626 | 4.561.165 | 4.700.850 | 102,2 | 103,1 |
| 3 | Xe buýt xuất bến | lượt | 689.122 | 641.823 | 640.391 | 92,9 | 99,8 |
| 4 | HK nội tỉnh qua bến | lượt | 19.387.689 | 18.091.711 | 18.047.804 | 93,1 | 99,8 |
| 5 | Xe lưu đậu | lượt | 289.434 | 280.281 | 282.128 | 97,5 | 100,7 |
| **B** | **Tổng doanh thu (có miễn tiền thuê đất)** | 1000đ | **51.020.980** | | | | |
| | **Doanh thu (Ko có miễn tiền thuê đất)** | 1000đ | **46.899.008** | **46.950.000** | **47.557.859** | **101,4** | **101,3** |
| **C** | **Tổng chi phí** | 1000đ | **25.515.129** | **25.558.040** | **25.186.842** | **98,7** | **98,5** |
| **D** | **Lợi nhuận** | | | | | | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế (có miễn tiền thuê đất) | 1000đ | **25.505.851** | | | | |
| | Lợi nhuận trước thuế (Ko có miễn tiền thuê đất) | 1000đ | **21.383.879** | **21.391.960** | **22.394.480** | **104,7** | **104,7** |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế (có miễn tiền thuê đất) | 1000đ | **20.340.773** | | | | |
| | Lợi nhuận sau thuế (Ko có miễn tiền thuê đất) | 1000đ | **17.043.196** | **17.043.568** | **17.779.173** | **104,3** | **104,3** |
| **E** | **Nộp ngân sách** | 1000đ | **9.451.374** | **5.439.329** | **8.598.019** | **91,0** | **158,1** |
| 1 | Thuế GTGT | 1000đ | 3.763.015 | 565.937 | 3.149.208 | 83,7 | 556,5 |
| 2 | Thuế TNDN | 1000đ | 5.165.077 | 4.348.392 | 4.615.307 | 89,4 | 106,1 |
| 3 | Thuế khác (thuê đất, MB, TNCN) | 1000đ | 523.282 | 525.000 | 833.504 | 159,3 | 158,8 |
| **F** | **Thu nhập bình quân** | 1000đ | **12.930** | **12.180** | **12.660** | **97,9** | **103,9** |

**1.2 Công tác quan trọng liên quan đến kinh doanh dịch vụ và khai thác vận tải.**

Tham gia lễ xuất quân phục vụ vận tải hành khách trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 tại Bến xe Miền Tây. Thực hiện tốt công tác phục vụ hành khách đặc biệt trong dịp cao điểm lễ tết như: Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019, lễ Giỗ tổ Hùng Vương, lễ 30/4 – 1/5, lễ Quốc khánh 02/9. Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga luôn bám sát tình hình vận tải hành khách tại hai Bến xe, đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường trong suốt thời gian phục vụ hành khách, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, hành khách không bị ứ đọng tại bến và không xảy ra ùn tắc giao thông trong khu vực. Ủy ban nhân dân

Thành phố khen tặng hoàn thành tốt công tác phục vụ hành khách dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019.

Tổ chức thành công các Hội nghị, Đại hội quan trọng trong năm như: Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng, sản xuất kinh doanh năm 2018, sơ kết 6 tháng đầu năm 2019 và Hội nghị Đại biểu người lao động năm 2019, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 qua đó đánh giá được các mặt tích cực và chỉ ra những hạn chế để có giải pháp phương hướng thực hiện nhiệm vụ, đăng ký thi đua năm 2019.

Bộ GTVT đã ban hành Quyết định số 1725/QĐ-BGTVT ngày 19/9/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020 định hướng đến năm 2030. Theo đó, hai Bến xe của Công ty được tăng thêm 02 tuyến (Bến xe An Sương 02 tuyến) và hai Bến điều chỉnh 07 tuyến (Bến xe An Sương 03 tuyến, Bến xe Ngã Tư Ga 04 tuyến).

Hiện nay, xe khách tuyến cố định hoạt động tại hai Bến xe như sau: Tại Bến xe An Sương: Tổng số xe đang hoạt động là 597 xe, 66 đơn vị vận tải, khai thác trên 54 tuyến; Tại Bến xe Ngã Tư Ga: Tổng số xe đang hoạt động là 345 xe, 76 đơn vị vận tải khai thác trên 74 tuyến.

Thường xuyên rà soát tình hình hoạt động và làm việc với các đơn vị vận tải để cùng tháo gỡ khó khăn; Phối hợp với các đơn vị vận tải thường xuyên nhắc nhở nhân viên không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ lịch sự, nhã nhặn đảm bảo an toàn cho hành khách trong quá trình vận chuyển. Tăng cường công tác kiểm tra phương tiện theo các quy định của cơ quan quản lý tuyến; tuyệt đối không cho các xe không đủ điều kiện xuất bến; Phối hợp Thanh tra Sở Giao thông Vận tải kiểm tra việc thực hiện thể lệ vận tải của các đơn vị nhà xe; Làm việc với các đơn vị vận tải về việc xe chạy không đúng biểu đồ giờ, thường xuyên bỏ tài chuyến, không đưa xe vào bến hoạt động; Xử lý các xe cố tình vi phạm; Tổ chức giải toả, không ùn tắc tại hai bến xe tạo mỹ quan đô thị trong và ngoài khu vực bến.

Tiến hành kiểm tra giám sát định kỳ công tác quản lý tại hai Bến xe sớm phát hiện các tồn tại từ đó đề ra các biện pháp khắc phục hiệu quả như kiểm tra nội bộ việc triển khai thực hiện các quy trình hoạt động như Quy trình ký kết và thực hiện hợp đồng khoán kinh doanh dịch vụ.

Triển khai các giải pháp nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng như: Tổ chức 02 đợt khảo sát sự hài lòng của khách hàng, qua đó đã nắm bắt được các phản ảnh của khách hàng về chất lượng dịch vụ đồng thời đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng; Thường xuyên kiểm tra đảm bảo công tác Vệ sinh môi trường, Phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm; Ký hợp đồng mua Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc.

Tổ chức đấu thầu quyền kinh doanh dịch vụ tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư ga nhằm quản lý, khai thác hiệu quả mặt bằng các điểm kinh doanh dịch vụ tại hai bến xe, tìm kiếm được các đối tác có năng lực tài chính, có khả năng tổ chức khai thác dịch vụ phục vụ vận tải chuyên nghiệp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành khách tại hai Bến xe, đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường qua đó tăng doanh thu và nâng cao hình ảnh của Công ty.

**2. Công tác tài chính.**

Thực hiện tốt các quy định về Tài chính kế toán năm 2019 như: Thực hiện đúng quy định các Báo cáo tài chính, Quyết toán thuế năm 2018 và các báo cáo về quản lý tài chính theo yêu cầu của cơ quan cấp trên; Nộp tờ khai thuế và nộp các loại thuế GTGT, TNDN, TNCN đúng thời hạn quy định. Chi trả lương, thưởng cho Cán bộ công nhân viên theo đúng quy chế;

Đoàn kiểm toán nhà nước, kiểm toán hồ sơ quyết toán chuyển thể giai đoạn nhà nước sang Công ty Cổ phần.

Công ty kiểm toán AFC đã thực hiện kiểm toán BCTC năm 2018. Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện kiểm tra, giám sát kiểm toán BCTC năm 2018 và các hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2018, 6 tháng đầu năm 2019, kết quả đều được đánh giá tình hình tài chính của Công ty là phản ánh trung thực, hợp lý rõ ràng và minh bạch.

Triển khai việc phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2019. Hoàn thành việc chi trả tiền cổ tức năm 2018 cho cổ đông tỉ lệ là 40%.

Lập báo cáo tình hình sử dụng vốn huy động sau khi phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương tháng 04/2019. Thực hiện thủ tục thanh lý các tài sản cố định tại Bến xe An Sương. Kiểm tra thanh quyết toán các hợp đồng xây dựng cơ bản.

Thực hiện đầy đủ các quy định đối với Công ty đại chúng đã lên sàn UPCOM. Công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về Báo cáo tài chính 2018 đã được công ty kiểm toán AFC kiểm toán và báo cáo tài chính năm 2017 điều chỉnh theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước.

Thực hiện tốt các kiến nghị theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2018 của Đoàn Thanh tra Tổng Cục thuế và các kiến nghị của Ban kiểm soát Tổng Công ty.

**3. Công tác đầu tư dự án, xây dựng công trình.**

**Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương hiện hữu 1,7ha:**

Thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 15/03/2019, Công ty đang triển khai phân kỳ dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)" thành 02 giai đoạn đầu tư. Giai đoạn đầu xây dựng 03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ (trừ khu vệ sinh công cộng số 3). Giai đoạn sau xây dựng 03 tầng trên còn lại của nhà điều hành và khu vệ sinh công cộng số 3. Thời gian thực hiện giai đoạn sau sẽ tùy thuộc vào nhu cầu khai thác thực tế.

Ngày 03/5/2019, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quyết định số 34/QĐ-HĐQT phê duyệt dự toán điều chỉnh và kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh theo phân kỳ đầu tư dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)".

Thực hiện Quyết định số 34/QĐ-HĐQT, Ban điều hành Công ty đã tổ chức đấu thầu rộng rãi gói thầu Thi công xây dựng và gói thầu Tư vấn giám sát. Công ty đã hoàn thành công tác đấu thầu và tổ chức khởi công công trình ngày 20/7/2019, dự kiến hoàn thành công trình vào tháng 6/2020.

**Dự án Cải tạo Mở rộng Bến xe An Sương 4,8 ha:**

Thực hiện nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty đã liên hệ làm việc với các phòng ban của huyện Hóc Môn (Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng, Phòng Tài nguyên – Môi trường) phối hợp thực hiện các thủ tục pháp lý về Bồi thường Giải phóng mặt bằng cho dự án.

Đến nay, Ủy Ban nhân dân xã Bà Điểm đã hoàn thành Công tác điều tra thống kê sơ bộ danh sách hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án. Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hóc Môn đang xây dựng Kế hoạch thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

**Các công tác xây dựng cơ bản khác**

Công ty đã triển khai đầu tư cải tạo sửa chữa nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng hai Bến xe theo quy hoạch, ngày càng khang trang sạch sẽ, đảm bảo quy chuẩn quốc gia về bến xe khách và nâng cao chất lượng phục vụ hành khách như: Tại bến xe Ngã tư Ga: Hoàn thành nghiệm thu lắp đặt hệ thống PCCC, lắp đặt, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng sân bãi bến xe, vận hành bảo dưỡng định kỳ trạm xử lý nước thải, Sửa chữa khu văn phòng, nhà ga, Thay thế, sữa chữa các nắp đan hố ga bị hư hỏng.; Tại bến xe An Sương: Duy tu sửa chữa mặt bãi; Lắp dựng phòng điều hành xe buýt (di dời 06 kiot tại cổng bến xe); lắp dựng phòng vé tạm; Tháo dỡ, di dời hệ thống điện phục vụ công tác bàn giao mặt bằng thi công dự án Đầu tư, nâng cấp bến xe An Sương (giai đoạn 1).

**4. Công tác hành chính, nhân sự, pháp chế.**

**- Về Công tác hành chính**: Quá trình kinh doanh của Công ty hoạt động đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng thông qua việc duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; quy trình tác nghiệp chuẩn SOP; Tổ chức đánh giá nội bộ định kỳ, kiểm tra việc khắc phục những điểm cần lưu ý trong lần đánh giá kỳ trước của Công ty TUV NORD.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành như: Áp dụng phầm mềm quản lý công văn trực tuyến, phần mềm kế toán Bravo, nâng cấp phần mềm xử lý xe ra vào bến, phần mềm bán vé qua mạng. Tiếp tục làm việc với đơn vị tư vấn về phần mềm quản lý bến xe theo quy định tại Quy chuẩn quốc gia về Bến xe Khách.

Công ty đã tổ chức 4 lần Hội nghị đối thoại định kỳ hàng quý theo quy định với đại diện người sử dụng lao động giúp cho người sử dụng lao động và người lao động hiểu nhau hơn, thông cảm và chia sẻ thông tin để cùng nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Đăng ký, xét và công nhận các đề tài sáng kiến giải pháp mới năm 2019, trong đó đã có 10 đề tài được công nhận.

Tổ chức Bàn giao công tác quản lý điều hành của Công ty và các thủ tục pháp lý theo quy định sau khi có quyết định thôi nhiệm vụ đối với Ông Tạ Chương Chín và bổ nhiệm thay thế chức danh Tổng Giám đốc - Người đại diện Pháp luật đối với Ông Trần Hiếu theo Nghị quyết HĐQT.

Triển khai thực hiện đăng ký điều chỉnh lương cơ bản theo lương tối thiểu vùng và đăng ký với cơ quan Bảo hiểm xã hội điều chỉnh mức lương chức danh cơ bản đóng Bảo hiểm xã hội khi thay đổi lương tối thiểu vùng từ 01/01/2019.

Thường xuyên gửi văn bản đến UBND Quận 12 để đôn đốc về công tác bàn giao theo quyết định của UBNDTP để hoàn tất quyết toán chuyển thể doanh nghiệp từ DNNN sang Công ty Cổ phần.

Theo dõi thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại Bến xe An Sương sau khi bàn giao đất phục vụ xây dựng hầm chui An Sương và thực hiện thủ tục ký lại PLHĐ thuê đất tại BXNTG.

Báo cáo kết quả công khai tài sản cán bộ chủ chốt theo quy định.

Triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục công tác vệ sinh môi trường tại Bến xe Ngã Tư Ga theo kiến nghị của Phòng Tài nguyên Môi trường Quận 12; Ký kết lại hợp đồng thu gom chất thải nguy hại năm 2019; Hợp đồng bảo trì hệ thống xử lý nước thải tại Bến xe Ngã Tư Ga. Chỉnh trang, vệ sinh, sắp xếp khu vực chứa chất thải nguy hại; nạo vét bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; gắn đồng hồ định lượng nước thải tại hệ thống xử lý nước thải. Báo cáo Phòng Tài nguyên Môi trường Quận 12 kết quả khắc phục theo yêu cầu.

**- Về công tác nhân sự:**

Trong năm, Công ty đã tuyển dụng 13 lao động trẻ có trình độ để thay thế 14 lao động nghỉ việc và mất, bộ máy càng ngày được trẻ hoá và trình độ được nâng lên. Tổng số lao động hiện nay là 107 người giảm 01 người so với kế hoạch.

Giải quyết các chế độ nâng lương cho 26 trường hợp.

Rà soát sắp xếp, bố trí nhân sự cán bộ chủ chốt tại các phòng ban, Kiện toàn công tác nhân sự phù hợp với yêu cầu điều hành quản lý tại Công ty: ban hành Quyết định thành lập Phòng Phát triển thị trường và Chăm sóc khách hàng; Tái ký HĐLĐ 06 trường hợp, bổ nhiệm 03 trường hợp, tái bổ nhiệm 13 trường hợp, giao nhiệm vụ 03 trường hợp và từ tuất cho 01 trường hợp bảo đảm đúng quy định.

Triển khai công tác Quy hoạch và Đào tạo sau quy hoạch nguồn nhân sự cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2015 – 2020, đồng thời bổ sung quy hoạch đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

**- Công tác đào tạo:**

Triển khai đào tạo nguồn nhân lực theo kế hoạch đề ra, nhất là đối với cán bộ diện quy hoạch, mạnh dạn đổi mới trong việc bố trí, luân chuyển cán bộ, nhân viên phù hợp với năng lực, sở trường công tác nhằm đạp ứng tốt yêu cầu SXKD của Công ty. Hiện nay, có 01 nhân sự đang học Thạc sĩ, 04 nhân sự đang học Đại học và Đại học văn bằng 2, 02 nhân sự học lớp kiểm soát nội bộ, 01 nhân sự tham gia học CEO. 03 nhân sự học trung cấp chính trị.

Tổ chức tập huấn công tác Phòng cháy chữa cháy – Thoát hiểm thoát nạn; Huấn luyện, đào tạo An toàn vệ sinh lao động định kỳ cho người lao động theo quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP cho toàn thể Cán bộ công nhân viên và các

điểm kinh doanh dịch vụ tại hai bến xe; Tổ chức cho nhân viên bảo vệ học nghiệp vụ bảo vệ do CA Tp tổ chức.

- **Về công tác pháp chế**: Công ty hiện đã ban hành 59 quy chế, quy định, quy trình,.... Trong năm, đã thực hiện rà soát, bổ sung kịp thời các quy chế quy định của Công ty phù hợp với quy định mới của Pháp luật và tình hình thực tế tại đơn vị như: Thực hiện rà soát điều chỉnh bổ sung Thỏa ước Lao động tập thể Công ty, Quy chế Ban Kiểm soát, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý đầu tư, Quy định về công tác cán bộ; ban hành mới 01 Quy chế gồm: Quy chế phân phối, quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, Quy chế làm việc của ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; 01 Quy trình gồm: Quy trình công bố thông tin. Song song đó Công ty cũng thường xuyên thực hiện rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý Công ty theo đúng quy định Pháp luật.

**5. Một số công tác quan trọng khác.**

Công tác an toàn trật tự và an ninh chính trị nhìn chung đảm bảo tốt không để xảy ra sự việc phức tạp nào tại hai bến xe, đặc biệt trong các dịp Lễ tết. Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương trong các đợt cao điểm chống biểu tình gây rối tụ tập đông người.

Đời sống người lao động được cải thiện, phong trào văn hóa, thể thao được duy trì thường xuyên tạo sự giao lưu gắn kết trong nội bộ Công ty, sự thi đua trong CBNV và không khí vui vẻ, đoàn kết cùng nhau luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ như: Quan tâm chăm lo Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019 cho người lao động, phối hợp cùng Công đoàn và Đoàn thanh niên chuẩn bị quà tết tổ chức thăm hỏi, chăm lo các đối tượng chính sách, gia đình khó khăn, họp mặt cán bộ hưu trí. Thực hiện các quyền lợi của Người lao động theo Thỏa ước lao động năm 2019 như: Khám sức khỏe định kỳ; Mua Bảo hiểm tai nạn cá nhân; Trang bị áo đi mưa; Trang bị Bảo hộ lao động đầy đủ May đo đồng phục, tổ chức tham quan nghỉ mát tại Nha Trang – Đà Lạt..., tổ chức về Nguồn tại Hà Giang; Tổ chức họp mặt và tiệc liên hoan truyền thống giữa các chị em nữ CBCNV nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, phụ nữ Việt Nam 20/10; Họp mặt con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, tổ chức hội thao kỷ niệm Ngày quốc khánh 2/9.

Về công tác xã hội, Đến nay Công ty đã đóng góp 83,5 triệu đồng, bao gồm: Các phong trào chung của địa phương; Tham gia đóng góp vào quỹ xã hội tập trung của Tổng công ty như chương trình quỹ vì biển đảo Quê hương vì tuyến đầu tổ quốc, chương trình cùng Công nhân vượt khó, Qũy vì người nghèo"; Chăm lo và phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng Đỗ Thị Thương tại Củ Chi, hỗ trợ gia đình có công với cách mạng, hỗ trợ kinh phí tổ chức chương trình lễ cưới tập thể.

## III. ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT TÍCH CỰC, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN:

### 1. Những mặt tích cực:

Luôn được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ thường xuyên của các phòng, ban chức năng cũng như lãnh đạo của Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty và chính quyền địa phương, đã tạo điều kiện để Công ty cũng cố và phát triển.

Duy trì mối đoàn kết nội bộ, tạo sự đồng thuận nhất trí cao, nhờ đó việc triển khai các chủ trương, Nghị quyết đều được thuận lợi. Công ty đã cụ thể hóa chi tiết và triển khai kịp thời các kế hoạch, nhiệm vụ được Tổng công ty giao; Thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Với sự năng động, sáng tạo và quyết liệt của Ban Điều hành Công ty và sự đồng lòng nhất trí của Hội Đồng Quản trị và tập thể CBCNV đã lãnh đạo thực hiện các biện pháp phát triển trong kinh doanh, phát triển thêm nhiều tuyến xe khách liên tỉnh mới, từng bước đưa các tuyến xe khách chất lượng cao vào bến hoạt động, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, bố trí hợp lý và khai thác có hiệu quả mặt bằng bến bãi, dịch vụ quảng cáo cũng như các dịch vụ khác tại Hai bến xe. Từ đó duy trì ổn định tình hình SXKD, góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019. Doanh thu năm 2019 đạt 101,3% so với kế hoạch năm 2019. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 104,7% so với kế hoạch năm 2019.

Lãnh đạo Công ty phát triển toàn diện đồng đều các mặt như: ANTT, PCCC, ATVSLĐ, bảo vệ môi trường, công tác xây dựng Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn cũng như chăm lo tốt cho người lao động và đóng góp công tác xã hội. Hai Bến xe, Công ty đã được khen tặng nhiều thành tích như: Ủy ban nhân dân Thành phố công nhận cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" năm 2018; Tổng Công ty khen tặng đã hoàn thành công tác An toàn Vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ năm 2018. Công ty đã được Tổng Công ty khen tặng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong công tác chăm lo, phục vụ Tết Kỷ Hợi năm 2019.

Những kết quả đạt được nêu trên của Công ty là nhờ luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, định hướng phát triển từ Tổng Công ty, Sở Giao thông vận tải và chính quyền địa phương, cùng với sự chỉ đạo kịp thời, hiệu quả và đoàn kết nhất trí của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty tạo động lực và sức mạnh cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty nỗ lực, cố gắng trong công tác thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã đề ra.

**2. Những mặt còn tồn tại và nguyên nhân:**

- Công tác Quyết toán chuyển thể giai đoạn Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần: Các phòng ban, đơn vị vẫn tích cực liên hệ cơ quan Sở ngành để giải quyết nhưng đến nay chưa thực hiện xong do phía đối tác là Ủy ban nhân dân Quận 12 chưa nhận bàn giao, còn kiến nghị lên Thành phố xin ý kiến.

## Phần II

## MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH
## TRONG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2020

### I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2020

Các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải ngày càng chặt chẽ, tuy nhiên việc thực thi còn chưa triệt để, đồng bộ, tạo nên vấn đề cạnh tranh không lành mạnh giữa các Doanh nghiệp làm ăn bài bản và các nhà xe tư nhân, xe dù làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty.

Các hãng Hàng không tiếp tục triển khai các chương trình khuyến mãi giảm giá vé từ đó ít nhiều làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của hai bến xe với các tuyến có cự ly dài.

Dự án Đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1) đã hoàn thành tạo một bộ mặt hoàn toàn mới, khang trang hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn bến xe loại 1 sẽ thu hút thêm nhiều các Doanh nghiệp vận tải vào bến, đáp ứng nhu cầu phục vụ các doanh nghiệp khai thác vận tải hành khách tuyến cố định.

### II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020:

1. Bám sát thực hiện thành công những định hướng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã đề ra.

2. Sử dụng vốn hiệu quả, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

3. Tiếp tục triển khai dự án mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha), theo Nghị quyết HĐQT Công ty.

4. Chỉnh trang cơ sở hạ tầng bến bãi thu hút các Doanh nghiệp vận tải vào bến. Hoàn thành công trình cải tạo dãy dịch vụ sửa chữa thành văn phòng điều hành, bán vé tại Bến xe Ngã Tư Ga đảm bảo tiêu chuẩn bến xe loại 1 nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ các doanh nghiệp khai thác vận tải hành khách tuyến cố định.

5. Xây dựng và phối hợp các Doanh nghiệp vận tải triển khai thực hiện tốt kế hoạch phục vụ hành khách trong đợt cao điểm Lễ, Tết.

6. Thực hiện đầy đủ các quy định đối với Công ty đại chúng đã lên sàn UPCOM theo luật chứng khoán, phát huy việc giao dịch cổ phiếu, quảng bá rộng rãi đến nhà đầu tư và tăng khả năng huy động vốn.

7. Thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị vận tải trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, các dịch vụ phục vụ hành khách tại hai bến. Chú trọng công tác đảm bảo ANTT, VSTP, PCCN..., tiếp tục triển khai việc nâng chất lượng dịch vụ tại bến xe theo chỉ đạo của Tổng Công ty.

8. Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành một cách triệt để, có hiệu quả, nâng cấp phần mềm quản lý xe ra vào bến phù hợp theo đúng quy định của Bộ GTVT.

9. Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng trình độ đội ngũ Cán bộ Công nhân viên đảm bảo yêu cầu công việc, tổ chức sắp xếp lại bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu quả.

10. Phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020, đạt tập thể lao động xuất sắc. Tiếp tục giữ vững danh hiệu hai Bến xe trực thuộc là Bến xe An toàn - Văn minh.

## III. CHỈ TIÊU:

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch năm 2020 |
|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu | 1000đ | 50.700.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 1000đ | 22.621.800 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 1000đ | 18.017.438 |
| 4 | Nộp ngân sách | 1000đ | 5.850.268 |
| 5 | Tiền lương bình quân tháng | | |
| | - Tiền lương bình quân người lao động | 1000đ | 11.350 |
| | - Tiền lương bình quân VCQL chuyên trách | 1000đ | 36.000 |
| 6 | Thu nhập bình quân | 1000đ | 12.600 |

**2. Kế hoạch Đầu tư 2020:** Dự trù kinh phí năm 2020 là 34.877.553.000 đồng.

## IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

### 1. Công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt công tác phục vụ hành khách đặc biệt trong các dịp cao điểm lễ tết tại Bến xe Ngã Tư Ga và Bến xe An Sương như: Tết Dương Lịch, Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020, lễ Giỗ tổ Hùng Vương, lễ 30/4 – 1/5, lễ 2/9 đảm bảo tình hình ANTT, PCCN, VSMT.

Thương thảo, tổ chức ký kết lại hợp đồng với các khách hàng, cải tạo lại một số điểm kinh doanh, tận dụng mặt bằng để cung cấp thêm nhiều dịch vụ phục vụ cho khách hàng.

Tại Bến xe Ngã Tư Ga, tổ chức phân khu lại các khu vực tác nghiệp để các phương tiện vận tải ra vào, lưu đậu hợp lý hơn, phát triển thêm nhiều tuyến xe chất lượng cao, thu hút nhiều khách hàng tiềm năng vào bến tham gia khai thác.

Phát triển thêm nhiều tuyến xe khách liên tỉnh mới, tăng cường thông tin đến các doanh nghiệp về quy hoạch tuyến phê duyệt theo Quyết định số 1725/QĐ-BGTVT ngày 19/9/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết tuyến VTHK cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 của Bộ GTVT, từ đó mời gọi các đơn vị tham gia khai thác tuyến, đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm đối tác chiến lược.

Tiếp tục thực hiện tốt và tuyên truyền đến các đơn vị vận tải đang hoạt động tại Bến xe cùng thực hiện tốt các quy định của nhà nước về quản lý hoạt động vận tải.

Tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, trong đó tập trung việc đào tạo kỹ năng giao tiếp ứng xử, xây dựng thái độ phục vụ của CBCNV văn minh lịch sự, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hành khách, duy trì, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu khách hàng đặc biệt là các khách hàng lớn, lâu năm.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tiêu cực; Thực hiện tốt việc công khai, dân chủ minh bạch hóa tất cả các hoạt động của Công ty; Tiến hành kiểm tra giám sát định kỳ công tác quản lý tại các đơn vị sớm phát hiện các tồn tại từ đó đề ra các biện pháp khắc phục hiệu quả.

**2. Công tác tài chính:**

Đảm bảo dòng tiền sẵn sàng cho việc triển khai cải tạo sửa chữa tại Bến xe Ngã tư ga.

Thực hiện đúng công tác kế toán tài chính và kiểm tra tài chính định kỳ theo quy định, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chấp hành nghiêm quy định chế độ quản lý tài chính, thực hiện và tuân thủ các quy định của nhà nước, nội quy, quy chế của Tổng Công ty, Công ty trong công tác kinh doanh và quản lý điều hành. Chú trọng phân tích đánh giá tình hình tài chính một cách nhanh chóng chính xác kịp thời để có kế hoạch triển khai phù hợp.

Tăng cường quản lý, bảo toàn và nâng cao hiệu quả đồng vốn, đảm bảo quyền lợi và lợi hợp pháp của Công ty, cổ đông và người lao động

Thực hiện đầy đủ các quy định đối với Công ty đại chúng đã lên sàn UPCOM theo luật Chứng khoán.

**3. Công tác đầu tư:**

Tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng các dự án công trình theo kế hoạch đã đề ra nhằm chỉnh trang, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bến bãi khang trang sạch đẹp đảm bảo quy chuẩn quốc gia về bến xe khách:

**- Dự án Đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1):** Thực hiện các công tác nghiệm thu, bàn giao các hạng mục công trình; Lập báo cáo quyết toán, kiểm toán báo cáo quyết toán công trình; Hoàn tất các thủ tục thanh lý với các đơn vị liên quan.

**- Dự án Cải tạo Mở rộng Bến xe An Sương 4,8 ha**: Tiếp tục phối hợp với Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hóc Môn xây dựng hoàn thiện Kế hoạch thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

**Các công tác xây dựng cơ bản khác:**

Tại Bến xe Ngã tư Ga thực hiện các hạng mục công trình: Triển khai xây dựng Khu nhà dịch vụ hỗ trợ theo quy hoạch được duyệt; Xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải; Sửa chữa cải tạo Dãy phòng điều hành, nhà xe CBCNV, kho tài liệu; Hạ dải phân cách mặt bãi để sắp xếp các phân khu chức năng của bến xe theo quy hoạch; Bảo trì hệ thống điện, chống sét, cấp thoát nước.Tại Bến xe An Sương: Nâng cấp mặt bãi; Lắp đặt quầy vé; Bảo trì các hạng mục công trình hiện hữu của bến xe; bảo trì hệ thống chống sét.

**4. Công tác nhân sự - đào tạo:**

Rà soát đánh giá và bổ sung cán bộ quy hoạch theo đúng quy định. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng vào việc đào tạo nghiệp vụ và các kỹ năng mềm, đào tạo tin học cho người lao động.

Tạo điều kiện tốt nhất để người lao động phát huy tối đa khả năng, năng lực cống hiến. Quan tâm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

**5. Công tác hành chính:**

Tổ chức thành công các Hội nghị, Đại hội quan trọng năm 2020 như: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2020. Hội Nghị người lao động; Hội nghị Tổng kết công tác xây dựng Đảng và Sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục quản lý điều hành theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Quy trình tác nghiệp chuẩn SOP". Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, kết nối thương hiệu với Tổng Công ty.

Tiếp tục theo dõi liên hệ các cơ quan, ban ngành để hoàn thành công tác bàn giao chi phí đền bù, giải tỏa xây dựng Bến xe Ngã Tư Ga; Thực hiện thủ tục ký lại PLHĐ thuê đất tại BXNTG; Theo dõi thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Bến xe An Sương (điều chỉnh giảm theo Quyết định thu hồi đất của UBND Huyện Hóc Môn về Dự án Hầm chui Bến xe An Sương).

Nghiêm túc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, gắn trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trong việc triển khai các nhiệm vụ SXKD đảm bảo hoạt động đồng đều và hiệu quả. Đồng thời, phát huy trí tuệ tập thể trong điều hành tổ chức.

Phát động các phong trào thi đua và tổ chức thực hiện tốt trên các lĩnh vực, thực hành tiết kiệm, khuyến khích phát huy sáng kiến cải tiến, giải pháp, hợp lý hóa SXKD tạo động lực thúc đẩy SXKD đạt hiệu quả. Phấn đấu có ít nhất 8 sáng kiến hoặc giải pháp và ít nhất 3 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của Công ty, các quy trình quản lý, các quy trình tác nghiệp đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả, phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế tại Công ty.

Đầu tư phần mềm "quản lý bến xe điện tử" và phần cứng đồng bộ tại hai bến xe nhằm hoàn thiện quy trình tác nghiệp và công tác quản lý tại bến; Áp dụng có hiệu quả các phần mềm vào các quy trình tác nghiệp để nâng cao năng suất lao động; Áp dụng hiệu quả hệ thống bán vé qua mạng và các tiện ích phục vụ hành

khách; Cung cấp đầy đủ thông tin cho hành khách về luồng tuyến, giờ khởi hành của các chuyến xe, loại xe, quy hoạch tuyến, khai trương tuyến mới,.. trên website của Công ty.

Tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường trong toàn Công ty; Đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng và tài sản cho hành khách và khách hàng.

Tiếp tục tích cực tham gia công tác An sinh xã hội, đóng góp các quỹ tài trợ do địa phương và Tổng Công ty phát động.

## Phần III

## CÁC KIẾN NGHỊ

Tiếp tục kiểm tra chấn chỉnh các vi phạm trong hoạt động vận tải, tình trạng xe dù trá hình bằng hình thức hợp đồng, đón trả khách không đúng quy định, không thực hiện đúng biểu đồ chạy xe.

Kiến nghị Tổng Công ty xem xét hỗ trợ nguồn vốn đầu tư cho dự án Mở rộng bến xe An Sương (4,8 ha) công ty đang triển khai./.

***Nơi nhận:***
- ĐHĐCĐ thường niên 2020 (để báo cáo);
- HĐQT Công ty;
- Lưu:VT, Thư ký HĐQT(01b).5.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**Ngô Quang Trung**

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN (STP.JSC)**

Số: 44 /BC-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2020*

# BÁO CÁO
## Kết quả thực hiện đầu tư năm 2019 và kế hoạch đầu tư năm 2020

### 1. Kết quả thực hiện đầu tư năm 2019:

### 1.1. Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)

Dự án Đầu tư, nâng cấp bến xe An Sương (giai đoạn 1) có tổng mức đầu tư khoảng khoảng 37,011 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục: xây dựng khu nhà ga chính 6 tầng, đường dẫn có mái che, cải tạo toàn bộ khu dịch vụ, nhà vệ sinh, làm cổng, biển hiệu bến xe, phân khu chức năng bến xe. Đến nay, Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; xin phép xây dựng. Ngày 12/01/2018, Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn số 09/GPXDCTH và gia hạn giấy phép xây dựng ngày 12/3/2019.

Ngày 15/03/2019, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT thống nhất phân kỳ dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)" thành 02 giai đoạn đầu tư. Giai đoạn đầu xây dựng 03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ (trừ khu vệ sinh công cộng số 3). Giai đoạn sau xây dựng 03 tầng trên còn lại của nhà điều hành và khu vệ sinh công cộng số 3. Thời gian thực hiện giai đoạn sau sẽ tùy thuộc vào nhu cầu khai thác thực tế.

Ngày 03/5/2019, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quyết định số 34/QĐ-HĐQT phê duyệt dự toán điều chỉnh và kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh theo phân kỳ đầu tư dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)".

Thực hiện Quyết định số 34/QĐ-HĐQT, Ban điều hành Công ty đã tổ chức đấu thầu rộng rãi gói thầu Thi công xây dựng và gói thầu Tư vấn giám sát. Công ty đã hoàn thành công tác đấu thầu và tổ chức khởi công công trình ngày 20/7/2019. Hiện tại, Nhà thầu đang thực hiện các thủ tục nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng.

### 1.2. Dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha)

Dự án Mở rộng Bến xe An Sương được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương theo văn bản số 3460/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011: *"Đồng ý về chủ trương giao cho Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tổ chức khảo sát, lập dự án đầu tư cải tạo, mở rộng Bến xe An Sương hiện hữu với quy mô diện tích 48.000 $m^2$ đã được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn thỏa thuận tại Công văn 858/UBND ngày 15/6/2011..."*.

Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố, Công ty triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư. Đến nay Công ty đã thực hiện các bước:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc chấp thuận bản vẽ Tổng mặt bằng phương án kiến trúc công trình (tỷ lệ 1/500) theo công văn số 1611/SQHKT-HTKT ngày 04/6/2012.

- Lập hồ sơ dự án đầu tư và thiết kế cơ sở trình Tổng Công ty xem xét (Kèm theo tờ trình số 03/TTr-STP-QLDA ngày 21/6/2013).

- Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng chính phủ điều chỉnh quy mô diện tích của dự án.

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất (Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/12/2017).

- Lập khái toán kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án **Mở rộng bến xe An Sương (4,8 ha)** và báo cáo Hội đồng quản trị xem xét (kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng ước tính khoảng 340 tỷ đồng).

- Ngày 14/3/2019, Ban điều hành báo cáo Hội đồng quản trị Công ty về Đề án chi tiết dự án **Mở rộng bến xe An Sương (4,8 ha)**.

- Ngày 22/4/2019 Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ thống nhất tiếp tục thực hiên dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8ha).

Thực hiện nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã liên hệ làm việc với các phòng ban của huyện Hóc Môn (Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng, Phòng Tài nguyên – Môi trường) phối hợp thực hiện các thủ tục pháp lý về Bồi thường Giải phóng mặt bằng cho dự án.

Đến nay, Ủy Ban nhân dân xã Bà Điểm đã hoàn thành công tác điều tra thống kê danh sách hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án. Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hóc Môn đang triển khai điều tra xã hội học các hộ dân trong phạm vi dự án và xây dựng Kế hoạch thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

### 1.3. Các công tác khác

Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo sửa chữa các hạng mục công trình tại hai bến xe nhằm cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng, đáp ứng quy chuẩn bến xe khách.

Tại bến xe Ngã tư Ga: Hoàn thành nghiệm thu lắp đặt hệ thống PCCC, lắp đặt, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng sân bãi bến xe, vận hành bảo dưỡng định kỳ trạm xử lý nước thải, Sữa chữa khu văn phòng, nhà ga; Thay thế, sữa chữa các nắp đan hố ga bị hư hỏng.

Tại bến xe An Sương: Duy tu sửa chữa mặt bãi; Lắp dựng phòng điều hành xe buýt (di dời 06 kiot tại cổng bến xe); lắp dựng phòng vé tạm; Tháo dỡ, di dời hệ thống điện phục vụ công tác bàn giao mặt bằng thi công dự án Đầu tư, nâng cấp bến xe An Sương (giai đoạn 1).

**2. Kế hoạch năm 2020**

**2.1. Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)**

Hoàn thiện các hạng mục công trình, tổ chức nghiệm thu, bàn giao các hạng mục công trình đưa vào khai thác.

Lập báo cáo quyết toán, kiểm toán báo cáo quyết toán công trình.

Hoàn tất các thủ tục thanh lý hợp đồng với các đơn vị liên quan.

**2.2. Dự án Mở rộng Bến xe An Sương 4,8 ha**

Tiếp tục phối hợp với Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hóc Môn thực hiện công tác điều tra xã hội học, hoàn thiện Kế hoạch thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

**2.3. Các công tác khác**

Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng hai Bến xe. Đầu tư phần mềm quản lý xe ra vào bến và phần cứng đồng bộ tại hai bến xe.

Tại Bến xe Ngã tư Ga thực hiện các hạng mục công trình: Triển khai xây dựng Khu nhà dịch vụ hỗ trợ theo quy hoạch được duyệt; Xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải; Sửa chữa cải tạo Dãy phòng điều hành, nhà xe CBCNV, kho tài liệu; Hạ dải phân cách mặt bãi để sắp xếp các phân khu chức năng của bến xe theo quy hoạch; Bảo trì hệ thống điện, chống sét, cấp thoát nước.

Tại Bến xe An Sương: Nâng cấp mặt bãi; Lắp đặt quầy vé; Bảo trì các hạng mục công trình hiện hữu của bến xe; Bảo trì hệ thống chống sét.

**3. Kiến nghị:**

Kiến nghị Tổng Công ty xem xét hỗ trợ nguồn vốn đầu tư cho dự án Mở rộng bến xe An Sương (4,8 ha) công ty đang triển khai.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***
- ĐHĐCĐ thường niên 2020 (để báo cáo);
- HĐQT Công ty;
- Lưu:VT, Thư ký HĐQT(01b).N.5.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

**Ngô Quang Trung**

# CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

# MỤC LỤC


| | Trang |
|---|---|
| **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** | 1 – 2 |
| **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP** | 3 |
| **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN** | |
| Bảng cân đối kế toán | 4 – 5 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 6 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 7 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 8 – 26 |

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

| | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---|---|---|---|
| Ông Tạ Chương Chín | Tổng Giám đốc | 28/04/2016 | 01/03/2019 |
| Ông Trần Hiếu | Tổng Giám đốc | 01/03/2019 | |

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

**NGÔ QUANG TRUNG**
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Số: 235/2020/BCKT-HCM.00348

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
**Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

**BÙI TUYẾT VÂN**
**Phó Tổng Giám đốc**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2018-009-1

**NGUYỄN THỊ THÙY TRANG**
**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4128-2017-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2020



PKF - AFC Vietnam Auditing Co., Ltd. is a member firm of the PKF International Limited family of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions of any individual member or correspondent firm or firms.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

**Ngày 31 tháng 12 năm 2019**

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|---|---|---|---|---|
| **TÀI SẢN** | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | **100** | | **70.007.343.308** | **81.444.676.394** |
| **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | 5.1 | **39.242.541.184** | **6.936.995.312** |
| Tiền | 111 | | 6.042.541.184 | 5.436.995.312 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 33.200.000.000 | 1.500.000.000 |
| **Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | | **23.500.000.000** | **71.700.000.000** |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5.2 | 23.500.000.000 | 71.700.000.000 |
| **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **7.264.802.124** | **2.807.681.082** |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 416.294.910 | 366.366.630 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 5.822.519.380 | 458.055.600 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 1.025.987.834 | 1.983.258.852 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| **Hàng tồn kho** | **140** | | - | - |
| **Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | - | - |
| **TÀI SẢN** | | | | |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | **200** | | **21.023.242.561** | **13.403.652.481** |
| **Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | - | - |
| **Tài sản cố định** | **220** | | **9.759.950.186** | **10.191.028.939** |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.6 | 3.040.968.933 | 3.222.060.602 |
| Nguyên giá | 222 | | 26.274.499.454 | 25.996.341.729 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (23.233.530.521) | (22.774.281.127) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.7 | 6.718.981.253 | 6.968.968.337 |
| Nguyên giá | 228 | | 9.641.419.030 | 9.641.419.030 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.922.437.777) | (2.672.450.693) |
| **Bất động sản đầu tư** | **230** | | - | - |
| **Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | | **10.401.257.780** | **2.974.714.680** |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.8 | 10.401.257.780 | 2.974.714.680 |
| **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | | - | - |
| **Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **862.034.595** | **237.908.862** |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9 | 862.034.595 | 237.908.862 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** | | **91.030.585.869** | **94.848.328.875** |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

**Ngày 31 tháng 12 năm 2019**

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|---|---|---|---|---|
| **NGUỒN VỐN** | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | **300** | | **15.174.411.017** | **32.981.942.156** |
| **Nợ ngắn hạn** | **310** | | **15.174.411.017** | **32.981.942.156** |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.10 | 497.546.219 | 137.894.161 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 17.890.000 | 920 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.11 | 1.365.327.291 | 1.969.038.185 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 4.428.426.983 | 4.865.253.937 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 76.600.000 | 71.990.000 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 13.017.455 | 40.958.183 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.12 | 2.940.071.543 | 22.061.196.843 |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 322 | 5.13 | 5.835.531.526 | 3.835.609.927 |
| **Nợ dài hạn** | **330** | | - | - |
| **NGUỒN VỐN** | | | | |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | **400** | | **75.856.174.852** | **61.866.386.719** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **410** | 5.14 | **75.856.174.852** | **61.866.386.719** |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (127.180.000) | (127.180.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 7.212.622.144 | 6.195.583.479 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 18.770.732.708 | 5.797.983.240 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 991.559.575 | 5.457.209.945 |
| LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 17.779.173.133 | 340.773.295 |
| **Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** | | - | - |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** | | **91.030.585.869** | **94.848.328.875** |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
QUẬN 12 TP. HỒ CHÍ MINH

| | | |
|---|---|---|
| **TRẦN ĐÔNG HẠ** | **BÙI KIM THU NGA** | **TRẦN HIẾU** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |
| | | TP. Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 02 năm 2020 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

| | Mã số | Thuyết minh | 2019 VND | 2018 VND |
|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | | **43.589.049.856** | **42.629.151.174** |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| **Doanh thu thuần** | **10** | 6.1 | **43.589.049.856** | **42.629.151.174** |
| **Giá vốn hàng bán** | **11** | 6.2 | **18.726.065.245** | **19.040.992.280** |
| **Lợi nhuận gộp** | **20** | | **24.862.984.611** | **23.588.158.894** |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 3.889.722.029 | 4.209.642.544 |
| Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| *Trong đó: chi phí lãi vay* | 23 | | - | - |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.4 | 6.146.759.908 | 6.473.437.264 |
| **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh** | **30** | | **22.605.946.732** | **21.324.364.174** |
| Thu nhập khác | 31 | 6.5 | 79.086.618 | 4.182.186.038 |
| Chi phí khác | 32 | 6.6 | 290.553.402 | 700.000 |
| **Lợi nhuận khác** | **40** | | **(211.466.784)** | **4.181.486.038** |
| **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **50** | | **22.394.479.948** | **25.505.850.212** |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 5.11 | 4.615.306.815 | 5.165.076.917 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | **60** | | **17.779.173.133** | **20.340.773.295** |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.7 | 2.818 | 3.310 |

S.Đ.K.K.D: 0301114089 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
QUẬN 12 TP. HỒ CHÍ MINH

| | | |
|---|---|---|
| **TRẦN ĐÔNG HẠ** | **BÙI KIM THU NGA** | **TRẦN HIẾU** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |

TP. Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

| | Mã số | 2019 VND | 2018 VND |
|---|---|---|---|
| **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| **Lợi nhuận trước thuế** | **01** | **22.394.479.948** | **25.505.850.212** |
| ***Điều chỉnh cho các khoản*** | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 1.457.804.425 | 1.473.039.525 |
| (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (3.698.384.389) | (4.209.642.544) |
| ***Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động*** | **08** | ***20.153.899.984*** | ***22.769.247.193*** |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | (5.414.392.060) | (140.692.238) |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | - | - |
| Tăng/ (giảm) các khoản phải trả | 11 | 5.150.858.418 | (269.185.421) |
| (Tăng)/ giảm chi phí trả trước | 12 | (624.125.733) | 124.126.365 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (4.624.341.418) | (4.882.986.058) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 3.380.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (1.789.463.401) | (2.085.028.899) |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh** | **20** | **12.852.435.790** | **15.518.860.942** |
| **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (13.617.519.329) | (792.299.195) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác | 22 | 23.636.364 | - |
| Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (67.200.000.000) | (89.700.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác | 24 | 115.400.000.000 | 49.200.000.000 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 4.846.993.047 | 3.468.063.784 |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** | **30** | **39.453.110.082** | **(37.824.235.411)** |
| **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (20.000.000.000) | (10.000.000.000) |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | **40** | **(20.000.000.000)** | **(10.000.000.000)** |
| **LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ** | **50** | **32.305.545.872** | **(32.305.374.469)** |
| **TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ** | **60** | **6.936.995.312** | **39.242.369.781** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| **TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ** | **70** | **39.242.541.184** | **6.936.995.312** |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
QUẬN 12 TP HỒ CHÍ MINH

| | | |
|---|---|---|
| **TRẦN ĐÔNG HẠ** | **BỒ KIM THU NGA** | **TRẦN HIẾU** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |
| | | TP. Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 02 năm 2020 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến;
- Tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo Hợp đồng kinh tế;
- Tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Chi nhánh | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động | Địa chỉ |
|---|---|---|
| Bến xe Ngã tư Ga | Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/09/2016 | 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh |
| Bến xe An Sương | Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/09/2016 | Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh |

### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 106 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 106 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

### 4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm chi phí sửa chữa bến bãi được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| Loại tài sản cố định | |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 20 năm |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 15 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |
| Tài sản cố định khác | 05 năm |

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

***Chi phí giải tỏa mặt bằng***

Chi phí giải tỏa mặt bằng bến xe Ngã tư Ga được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 45 năm.

***Phần mềm kế toán***

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

## 4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 4.11 Vốn chủ sở hữu

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## 4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

## 4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 4.16 Công cụ tài chính

***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## 4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

| Bên liên quan | Quan hệ |
|---|---|
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines | Công ty cùng tập đoàn |
| Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn | Công ty cùng tập đoàn |
| Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc | Thành viên chủ chốt |

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2019<br>VND | 01/01/2019<br>VND |
|---|---|---|
| Tiền mặt – VND | 291.556.920 | 374.598.767 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND | 5.750.984.264 | 5.062.396.545 |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng – VND | 33.200.000.000 | 1.500.000.000 |
| | **39.242.541.184** | **6.936.995.312** |

### 5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2019<br>VND | 01/01/2019<br>VND |
|---|---|---|
| Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng – VND | | |
| • Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hóc Môn | 16.500.000.000 | 50.000.000.000 |
| • Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh 3 | 3.000.000.000 | - |
| • Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hiệp Phước | 2.500.000.000 | - |
| • Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Tân Bình | 1.500.000.000 | - |
| • Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp | - | 21.700.000.000 |
| | **23.500.000.000** | **71.700.000.000** |

### 5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2019<br>VND | 01/01/2019<br>VND |
|---|---|---|
| ***Phải thu các bên liên quan*** | | |
| Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines | 15.162.170 | - |
| ***Phải thu các khách hàng khác*** | | |
| Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp Hoàng Gia | 102.117.500 | 183.709.600 |
| Công ty cổ phần Xe Khách Phương Trang Futabuslines | 80.011.160 | 140.081.730 |
| Các khách hàng khác | 219.004.080 | 42.575.300 |
| | **416.294.910** | **366.366.630** |

### 5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2019<br>VND | 01/01/2019<br>VND |
|---|---|---|
| ***Trả trước của các nhà cung cấp khác*** | | |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lục Giác | 5.223.626.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 598.893.380 | 458.055.600 |
| | **5.822.519.380** | **458.055.600** |

## 5.5 Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| ***Phải thu các tổ chức và cá nhân khác*** | | | | |
| Lãi dự thu – tiền gửi có kỳ hạn | 904.641.038 | - | 1.861.912.056 | - |
| Phải thu về cổ phần hóa | 116.346.796 | - | 116.346.796 | - |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 5.000.000 | - | 5.000.000 | - |
| | **1.025.987.834** | **-** | **1.983.258.852** | **-** |

## 5.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định khác VND | Cộng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***Nguyên giá*** | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 23.983.985.246 | 518.458.150 | 1.052.181.821 | 239.743.818 | 201.972.694 | 25.996.341.729 |
| Mua sắm trong năm | - | - | - | 180.166.040 | - | 180.166.040 |
| Tăng từ xây dựng cơ bản | 412.570.000 | - | - | - | 648.963.636 | 1.061.533.636 |
| Thanh lý | (963.541.951) | - | - | - | - | (963.541.951) |
| Tại ngày 31/12/2019 | **23.433.013.295** | **518.458.150** | **1.052.181.821** | **419.909.858** | **850.936.330** | **26.274.499.454** |
| ***Giá trị hao mòn lũy kế*** | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 21.077.105.583 | 497.143.358 | 935.272.718 | 212.549.876 | 52.209.592 | 22.774.281.127 |
| Khấu hao trong năm | 922.248.513 | 11.726.027 | 116.909.103 | 35.676.688 | 121.257.010 | 1.207.817.341 |
| Thanh lý | (748.567.947) | - | - | - | - | (748.567.947) |
| Tại ngày 31/12/2019 | **21.250.786.149** | **508.869.385** | **1.052.181.821** | **248.226.564** | **173.466.602** | **23.233.530.521** |
| ***Giá trị còn lại*** | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 2.906.879.663 | 21.314.792 | 116.909.103 | 27.193.942 | 149.763.102 | 3.222.060.602 |
| Tại ngày 31/12/2019 | **2.182.227.146** | **9.588.765** | **-** | **171.683.294** | **677.469.728** | **3.040.968.933** |
| Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu khao hết nhưng vẫn còn sử dụng: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 17.523.204.992 | 364.142.694 | - | 181.471.091 | - | **18.068.818.777** |
| Tại ngày 31/12/2019 | 17.748.035.534 | 437.912.695 | 1.052.181.821 | 181.471.091 | - | **19.419.601.141** |

## 5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Chi phí giải phóng mặt bằng VND | Chương trình phần mềm VND | Cộng VND |
|---|---|---|---|
| ***Nguyên giá*** | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 9.440.419.030 | 201.000.000 | 9.641.419.030 |
| Tăng trong năm | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2019 | **9.440.419.030** | **201.000.000** | **9.641.419.030** |
| ***Giá trị hao mòn lũy kế*** | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 2.602.100.693 | 70.350.000 | 2.672.450.693 |
| Khấu hao trong năm | 209.787.084 | 40.200.000 | 249.987.084 |
| Tại ngày 31/12/2019 | **2.811.887.777** | **110.550.000** | **2.922.437.777** |
| ***Giá trị còn lại*** | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 6.838.318.337 | 130.650.000 | 6.968.968.337 |
| Tại ngày 31/12/2019 | **6.628.531.253** | **90.450.000** | **6.718.981.253** |

## 5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 01/01/2019 | Phát sinh tăng | Kết chuyển sang TSCĐ | 31/12/2019 |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| Dự án cải tạo nâng cấp bến xe An Sương | 1.872.216.197 | 22.220.783 | - | 1.894.436.980 |
| Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1) (*) | 1.067.498.483 | 7.404.322.317 | - | 8.471.820.800 |
| Dự án khác | 35.000.000 | 1.061.533.636 | (1.061.533.636) | 35.000.000 |
| | **2.974.714.680** | **8.488.076.736** | **(1.061.533.636)** | **10.401.257.780** |

(*) Chi tiết dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương" (giai đoạn 1): Xem Thuyết minh 9.3.

## 5.9 Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh bến xe Ngã Tư Ga | 113.782.494 | 237.908.862 |
| Chi phí duy tu, sửa chữa mặt bãi bến xe An Sương | 481.656.561 | - |
| Chi phí khác | 266.595.540 | - |
| | **862.034.595** | **237.908.862** |

## 5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| ***Phải trả các nhà cung cấp khác*** | | | | |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lục Giác | 390.707.227 | 390.707.227 | - | - |
| Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Minh Bảo | 39.736.667 | 39.736.667 | 63.208.440 | 63.208.440 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trang Thủy Nhiệt | 7.649.125 | 7.649.125 | 7.649.125 | 7.649.125 |
| Các nhà cung cấp khác | 59.453.200 | 59.453.200 | 67.036.596 | 67.036.596 |
| | **497.546.219** | **497.546.219** | **137.894.161** | **137.894.161** |

## 5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2019 | Số phát sinh trong năm | | 31/12/2019 |
|---|---|---|---|---|
| | Phải nộp | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp |
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 935.771.269 | 3.149.380.868 | (3.770.312.202) | 314.839.935 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 987.842.669 | 4.615.306.815 | (4.624.341.418) | 978.808.066 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 45.424.247 | 611.672.335 | (585.417.292) | 71.679.290 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 156.419.608 | (156.419.608) | - |
| Các khoản phải nộp khác | - | 5.000.000 | (5.000.000) | - |
| **Cộng** | **1.969.038.185** | **8.537.779.626** | **(9.141.490.520)** | **1.365.327.291** |

*Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, thuế suất cho dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 22.394.479.948 | 25.505.850.212 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| *Chi phí không được trừ* | 501.781.738 | 321.909.832 |
| *Các khoản điều chỉnh tăng khác* | - | 40.958.183 |
| *Các khoản điều chỉnh giảm khác* | (411.295.266) | (43.333.644) |
| **Thu nhập tính thuế** | **22.484.966.420** | **25.825.384.583** |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế TNDN ước tính trong năm | **4.496.993.286** | **5.165.076.917** |
| Thuế TNDN của các năm trước | 118.313.529 | - |
| **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | **4.615.306.815** | **5.165.076.917** |

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 5.12 Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2019<br>VND | 01/01/2019<br>VND |
|---|---|---|
| ***Phải trả các bên liên quan*** | | |
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV – cổ tức phải trả | - | 10.200.000.000 |
| Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn | | |
| • Xí nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV | 2.000.000 | 500.000 |
| • Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn | 80.673.750 | 81.894.000 |
| • Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines | 15.600.000 | 9.550.000 |
| ***Phải trả các đối tượng khác khác*** | | |
| Cổ tức phải trả | - | 9.800.000.000 |
| Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn | 2.202.677.793 | 1.960.132.843 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 639.120.000 | 9.120.000 |
| | **2.940.071.543** | **22.061.196.843** |

### 5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | 01/01/2019 | Trích lập quỹ từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | 31/12/2019 |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi | 3.783.759.927 | 3.580.000.000 | (1.601.017.401) | 5.762.742.526 |
| Quỹ thưởng Ban điều hành | 51.850.000 | 209.385.000 | (188.446.000) | 72.789.000 |
| | **3.835.609.927** | **3.789.385.000** | **(1.789.463.401)** | **5.835.531.526** |

### 5.14 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

### 5.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của CSH | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2018 | 50.000.000.000 | (127.180.000) | 5.596.485.592 | 19.478.807.832 | 74.948.113.424 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 20.340.773.295 | 20.340.773.295 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 599.097.887 | (4.021.597.887) | (3.422.500.000) |
| Chia cổ tức 2017 | - | - | - | (10.000.000.000) | (10.000.000.000) |
| Tạm ứng cổ tức 2018 | - | - | - | (20.000.000.000) | (20.000.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2018 | **50.000.000.000** | **(127.180.000)** | **6.195.583.479** | **5.797.983.240** | **61.866.386.719** |
| Tại ngày 01/01/2019 | 50.000.000.000 | (127.180.000) | 6.195.583.479 | 5.797.983.240 | 61.866.386.719 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 17.779.173.133 | 17.779.173.133 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 1.017.038.665 | (4.806.423.665) | (3.789.385.000) |
| Tại ngày 31/12/2019 | **50.000.000.000** | **(127.180.000)** | **7.212.622.144** | **18.770.732.708** | **75.856.174.852** |

### 5.14.2 Chi tiết vốn góp bởi các cổ đông

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

| | | |
|---|---|---|
| Vốn điều lệ: | 50.000.000.000 | VND |
| Tổng số cổ phần: | 5.000.000 | cổ phần phổ thông |
| Mệnh giá cổ phần: | 10.000 | VND/cổ phần |

Chi tiết vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

| Cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV | 2.550.000 | 51,00 |
| Ngô Quang Hiển | 937.500 | 18,75 |
| Ngô Quang Trung | 266.974 | 5,34 |
| Nguyễn Hương Giang | 250.000 | 5,00 |
| Phan Kim Mỹ | 250.000 | 5,00 |
| 136 cổ đông khác | 745.526 | 14,91 |
| | **5.000.000** | **100,00** |

### 5.14.3 Cổ phiếu

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.000.000 | 1.600.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.000.000 | 1.600.000 |
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *5.000.000* | *1.600.000* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.000.000 | 1.600.000 |
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *5.000.000* | *1.600.000* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/CP.

### 5.14.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, chi tiết như sau:

| | VND |
|---|---|
| • Chia cổ tức (tỷ lệ 40% vốn điều lệ) | 20.000.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | 1.017.038.665 |
| • Trích quỹ khen thưởng | 895.000.000 |
| • Trích quỹ phúc lợi | 2.685.000.000 |
| • Trích quỹ thưởng Ban điều hành | 209.385.000 |
| • Lợi nhuận còn lại sau phân phối | 991.559.575 |
| | **25.797.983.240** |

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 43.589.049.856 | 42.629.151.174 |
| | **43.589.049.856** | **42.629.151.174** |

### 6.2 Giá vốn hàng bán

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 18.726.065.245 | 19.040.992.280 |
| | **18.726.065.245** | **19.040.992.280** |

### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 3.889.722.029 | 4.101.965.213 |
| Lãi cho vay | - | 107.677.331 |
| | **3.889.722.029** | **4.209.642.544** |

## 6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Chi phí nhân viên | 4.560.046.681 | 4.767.341.943 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 255.268.236 | 281.662.900 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 187.731.255 | 241.705.578 |
| Thuế, phí và lệ phí | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 332.484.593 | 241.304.063 |
| Chi phí khác | 806.229.143 | 936.422.780 |
| | **6.146.759.908** | **6.473.437.264** |

## 6.5 Thu nhập khác

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Tiền thuê đất từ 01/07/2014 đến 31/12/2017 được giảm | - | 4.121.971.575 |
| Thu nhập khác | 79.086.618 | 60.214.463 |
| | **79.086.618** | **4.182.186.038** |

## 6.6 Chi phí khác

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 191.337.640 | - |
| Thu nhập khác | 99.215.762 | 700.000 |
| | **290.553.402** | **700.000** |

## 6.7 Lãi trên cổ phiếu

### 6.7.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 17.779.173.133 | 20.340.773.295 |
| Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi | (3.688.410.000) | (3.789.385.000) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 14.090.763.133 | 16.551.388.295 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 5.000.000 | 5.000.000 |
| **Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)** | **2.818** | **3.310** |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm | - | - |
| **Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm** | **5.000.000** | **5.000.000** |

### 6.7.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

### 6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Chi phí nhân công | 18.720.096.179 | 19.105.613.852 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 525.058.284 | 688.489.698 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.457.804.425 | 1.473.039.525 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.489.578.317 | 2.405.173.559 |
| Chi phí khác | 1.680.287.948 | 1.842.112.910 |
| | **24.872.825.153** | **25.514.429.544** |

## 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

**Các giao dịch không bằng tiền**

Công ty đã ghi nhận khoản lãi dự thu cho các hợp đồng tiền gửi và cho vay:

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Lãi dự thu | 904.641.038 | 1.861.912.056 |

## 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### *i. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### *ii. Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

### *iii. Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

**Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Dưới 1 năm<br>VND | Từ 1 đến 5 năm<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|---|---|---|---|
| **Ngày 31 tháng 12 năm 2019** | | | |
| Phải trả người bán | 497.546.219 | - | 497.546.219 |
| Phải trả khác và chi phí phải trả | 3.016.671.543 | - | 3.016.671.543 |
| | **3.514.217.762** | **-** | **3.514.217.762** |
| **Ngày 31 tháng 12 năm 2018** | | | |
| Phải trả người bán | 137.894.161 | - | 137.894.161 |
| Phải trả khác và chi phí phải trả | 22.133.186.843 | - | 22.133.186.843 |
| | **22.271.081.004** | **-** | **22.271.081.004** |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

***iv. Giá trị hợp lý***

*So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ*

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2019<br>VND | 31/12/2018<br>VND | 31/12/2019<br>VND | 31/12/2018<br>VND |
| **Tài sản tài chính** | | | | |
| Các khoản cho vay và phải thu | | | | |
| *Phải thu của khách hàng* | 416.294.910 | 366.366.630 | 416.294.910 | 366.366.630 |
| *Phải thu khác* | 909.641.038 | 1.866.912.056 | 909.641.038 | 1.866.912.056 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | | | | |
| *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* | 23.500.000.000 | 71.700.000.000 | 23.500.000.000 | 71.700.000.000 |
| *Tiền và các khoản tương đương tiền* | 39.242.541.184 | 6.936.995.312 | 39.242.541.184 | 6.936.995.312 |
| **Tổng cộng** | **64.068.477.132** | **80.870.273.998** | **64.068.477.132** | **80.870.273.998** |
| **Nợ phải trả tài chính** | | | | |
| *Phải trả người bán* | 497.546.219 | 137.894.161 | 497.546.219 | 137.894.161 |
| *Phải trả khác và chi phí phải trả* | 3.016.671.543 | 22.133.186.843 | 3.016.671.543 | 22.133.186.843 |
| **Tổng cộng** | **3.514.217.762** | **22.271.081.004** | **3.514.217.762** | **22.271.081.004** |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

### 9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

| | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|
| Thu nhập Ban Giám đốc Công ty | 677.907.000 | 633.600.000 |
| Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 400.750.000 | 421.600.000 |
| Thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc | 188.446.000 | 137.250.000 |
| | **1.267.103.000** | **1.192.450.000** |

### 9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|---|---|---|---|
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV | Lãi cho vay | - | 107.677.331 |
| | Cổ tức | - | 15.300.000.000 |
| | Cung cấp dịch vụ | 11.272.727 | 19.636.364 |
| Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn | Cung cấp dịch vụ | 442.038.125 | 447.530.453 |
| Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines | Cung cấp dịch vụ | 228.830.146 | 171.241.147 |

*Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác*

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | 31/12/2019<br>VND | 31/12/2018<br>VND |
|---|---|---|---|
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV | Tạm ứng cổ tức | - | (10.200.000.000) |
| | Nhận ký quỹ ngắn hạn | (2.000.000) | (500.000) |
| Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn | Nhận ký quỹ ngắn hạn | (80.673.750) | (81.894.000) |
| Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines | Nhận ký quỹ ngắn hạn | (15.600.000) | (9.550.000) |
| | Phải thu thương mại | 15.162.170 | - |

### 9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ lưu đậu, các dịch vụ hỗ trợ và trong một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh.

## 9.3 Tình hình sử dụng vốn thực hiện dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương" (giai đoạn 1)

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ, toàn bộ số vốn thu được từ đợt phát hành là 34.000.000.000 VND sẽ được sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh để thực hiện Dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương".

+ Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2019:

| STT | Nội dung | Số tiền VND |
|---|---|---|
| 1 | Tư vấn thiết kế PCCC | 75.900.000 |
| 2 | Tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường | 22.000.000 |
| 3 | Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi | 143.000.000 |
| 4 | Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi | 27.000.000 |
| 5 | Phí thẩm định Thiết kế cơ sở | 2.948.000 |
| 6 | Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán | 672.881.000 |
| 7 | Tư vấn quản lý dự án | 368.080.000 |
| 8 | Tư vấn đấu thầu | 198.098.000 |
| 9 | Tư vấn khảo sát địa chất | 115.665.000 |
| 10 | Tư vấn khảo sát địa chất bước thiết kế bản vẽ thi công dự án | 6.600.000 |
| 11 | Tư vấn giám sát thi công | 209.381.525 |
| 12 | Tư vấn thẩm tra TKBVTC và dự toán | 118.615.000 |
| 13 | Phí thẩm tra thiết kế và dự toán | 12.954.000 |
| 14 | Chi phí thi công | 12.389.381.000 |
| 15 | Phí bảo hiểm công trình | 56.753.950 |
| 16 | Photo, scan hồ sơ | 44.584.100 |
| 17 | Đăng báo đấu thầu | 2.310.000 |
| | **Tổng cộng** | **14.466.151.575** |

| | VND |
|---|---|
| Tổng chi cho dự án đến ngày báo cáo này: | 14.466.151.575 |
| Số tiền chưa sử dụng: | 19.533.848.425 |
| **Tổng cộng:** | **34.000.000.000** |

Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang đến 31/12/2019: 8.471.820.800

## 9.4 Thông tin so sánh

Trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 do thay đổi tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019:

| | Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND | Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND/cổ phiếu |
|---|---|---|
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 16.737.760.795 | 3.348 |
| Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi điều chỉnh | (186.372.500) | (38) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã điều chỉnh | **16.551.388.295** | **3.310** |

### 9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

| | | |
|---|---|---|
| **TRẦN ĐÔNG HẠ** | **BÒ KIM THU NGA** | **TRẦN HIẾU** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |
| | | TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2020 |

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**
**(STP..ISC)**

Số: 45./BC-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2020*

# BÁO CÁO
# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn được sửa đổi, bổ sung ngày 24/04/2018;

Căn cứ theo Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (Công ty) xin báo cáo và đánh giá công tác quản lý và kinh doanh của Công ty trong năm 2019 như sau:

**1/- Về tổ chức nhân sự**

1.1. Về tổ chức: Số lượng bộ máy điều hành của Hội đồng quả trị Công ty là 05 người, Ban kiểm soát là 03 người.

1.2. Về nhân sự:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Thành viên Hội đồng quản trị Công ty** | | |
| 1 | Ngô Quang Trung | Chủ tịch HĐQT | -Từ 27/4/2016 đến 28/3/2019 là Thành viên HĐQT.<br>-Từ 28/3/2019 đến nay là Chủ tịch HĐQT Cty. |
| 2 | Trần Hiếu | Thành viên HĐQT | Giữ chức vụ từ ngày 27/4/2016 đến nay |
| 3 | Lê Thúy Hằng | Thành viên HĐQT | -Từ 27/4/2011 đến 28/3/2019 là Thành viên HĐQT đại diện cho cổ đông là CBCNV.<br>-Từ 05/4/2019 đến nay là TV HĐQT đại diện vốn của TCty . |
| 4 | Nguyễn Xuân Điền | Thành viên HĐQT | Giữ chức vụ từ ngày 22/4/2019 đến nay |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 5 | Nguyễn Tấn Lực | Thành viên HĐQT | Giữ chức vụ từ ngày 22/4/2019 đến nay |
| **II** | **Thành viên Ban kiểm soát Công ty** | | |
| 1 | Lê Thị Thanh Thuận | Trưởng Ban KS | -Giữ chức vụ từ ngày 24/4/2018 đến nay. |
| 1 | Nguyễn Thị Bạch Huệ | Thành viên Ban KS | -Từ 27/4/2011 đến 24/4/2018 là Trưởng BKS.<br>-Từ 24/4/2018 là TV. BKS. |
| 2 | Võ Văn Đức | Thành viên Ban KS | -Giữ chức vụ từ ngày 29/12/2016 đến nay. |

**2/ Về kết quả hoạt động kinh doanh**

2.1. Về cổ đông (Theo danh sách chốt ngày đăng ký cuối cùng 04/6/2020)

| Stt | Tên đơn vị/cá nhân | Số CĐ | Số cổ phần | Tỷ lệ %/ VĐL |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng Công ty Samco | 1 | 2.550.000 | 51,00 |
| 2 | Cổ đông là tổ chức trong nước | 2 | 141.196 | 2,82 |
| 3 | Cổ đông là tổ chức nước ngoài | 2 | 54.687 | 1,09 |
| 4 | Cổ đông là CBCNV | 28 | 73.885 | 1,48 |
| 5 | Cổ đông lớn :<br>- Ông Ngô Quang Hiển<br>- Ông Ngô Quang Trung<br>- Bà Nguyễn Hương Giang<br>- Bà Phan Kim Mỹ | 4 | <br>937.500<br>266.974<br>250.000<br>250.000 | <br>18,75<br>5,34<br>5,00<br>5,00 |
| 6 | Các cổ đông khác | 114 | 475.758 | 9,52 |
| | **Tổng cộng** | **147** | **5.000.000** | **100** |

2.2. Về kinh doanh

Năm 2019, lãnh đạo Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà Công ty xây dựng từ đầu năm đều đạt vượt mức so với kế hoạch đề ra:

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | KH 2019 | TH 2019 | Tỷ lệ TH/KH |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Các chỉ tiêu tài chính** | | | | |
| 1 | Tổng Doanh thu | Tr đồng | 46.950 | 47.558 | 101,3 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tr đồng | 21.392 | 22.395 | 104,7 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tr đồng | 17.044 | 17.779 | 104,3 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận/VĐL | % | 34,6 | 35,6 | 102,9 |
| 5 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | 15 | 14 | 93,33 |
| 6 | Nộp ngân sách | Tr đồng | 5.439 | 8.599 | 158,1 |
| **II** | **Các chỉ tiêu về đầu tư** | | | | |
| 1. | Tổng mức đầu tư | Tr đồng | 40.496 | 19.734 | 48,7 |
| **III** | **Các chỉ tiêu lao động và thu nhập bình quân** | | | | |
| 1 | Lao động bình quân | Người | 107,67 | 106,17 | 98,6 |
| 2 | Thu nhập bình quân | Tr đồng/ng/thg | 12.180,0 | 12.660,0 | 103,9 |

2.3. Về thực hiện nhiệm vụ

Hội đồng quản trị đã tuân thủ chấp hành và tổ chức thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình đã được quy định trong Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Đồng thời triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được phân công đã thường xuyên giám sát, đôn đốc và kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại cuộc họp HĐQT, các nghị quyết đã ban hành.

Đã chấp hành tổ chức họp Hội đồng quản trị đúng quy định (04 kỳ họp định kỳ, có họp đột xuất). Trong năm 2019 đã tổ chức họp định kỳ 04 lần và 06 lần họp đột xuất.

Các nghị quyết được thông qua đều được HĐQT giao cho TGĐ triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT. Trong các trường hợp khác, các quyết định của HĐQT được lập thành nghị quyết và giao cho các đơn vị phòng ban, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

Tất cả các thành viên tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến xác thực và đồng thuận cao theo thẩm quyền và yêu cầu làm việc của HĐQT về định hướng hoạt động kinh doanh để phát triển công ty.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã ban hành 12 nghị quyết, 11 quyết định.

Công tác điều hành luôn tuân thủ quy định của pháp luật, bám sát và tuân thủ Điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty. Trong năm, Tổng giám đốc đã có sự nỗ lực vượt bậc trong công tác quản lý, đã rà soát, bổ sung, xây dựng mới 07 quy chế, quy định, quy trình… của Công ty phù hợp với quy định mới của Pháp luật và tình hình thực tế tại đơn vị, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như bám sát kế hoạch hoạt động đề ra.

**3/ Nhận xét đánh giá**

Hoạt động của Hội đồng quản trị khá đều tay, nhịp nhàng, thể hiện rõ nét tinh thần trách nhiệm của từng thành viên nên có sự đồng thuận cao.

Hội đồng quản trị luôn bám sát các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông mà thực hiện. Luôn theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ, hỗ trợ chỉ đạo kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc bổ sung, điều chỉnh, xây dựng Quy chế và Quy định là việc làm thường xuyên trong năm cho phù hợp với quy định hiện hành.

Đảm bảo quyền lợi cổ đông, chăm lo đời sống người lao động tạo được sự ổn định và yên tâm công tác.

Quan tâm đến công tác đào tạo, quy hoạch đội ngũ kế thừa, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

**4/ Định hướng năm 2020**

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020.

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2020 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Các chỉ tiêu về tài chính** | | | |
| 1 | Tổng Doanh thu | đồng | 50.700.000.000 | |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | đồng | 22.621.800.000 | |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | đồng | 18.017.438.000 | |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận/VĐL | % | 36,03 | |
| 5 | Nộp ngân sách | đồng | 5.850.268.000 | |
| **II** | **Các chỉ tiêu về đầu tư** | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Kế hoạch đầu tư tài sản, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên | đồng | 23.165.325.000 | |
| 2 | Kế hoạch đầu tư phục vụ nhu cầu mở rộng sản xuất | đồng | 11.712.228.000 | |
| **III** | **Các chỉ tiêu lao động và thu nhập bình quân** | | | |
| 1 | Lao động bình quân | Người | 109 | |
| 2 | Thu nhập bình quân | đồng/ng/thg | 12.600.000 | |

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2020, HĐQT đề ra các giải pháp để quản lý, chỉ đạo, điều hành kinh doanh như sau:

1. Tập trung chỉ đạo giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông, phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Sử dụng vốn hiệu quả, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

3. Tiếp tục triển khai dự án mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha), theo Nghị quyết HĐQT Công ty.

4. Chỉnh trang cơ sở hạ tầng bến bãi thu hút các Doanh nghiệp vận tải vào bến. Hoàn thành công trình cải tạo dãy dịch vụ sửa chữa thành văn phòng điều hành, bán vé tại Bến xe Ngã Tư Ga đảm bảo tiêu chuẩn bến xe loại 1 nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ các doanh nghiệp khai thác vận tải hành khách tuyến cố định.

5. Tiếp tục quản lý điều hành theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Quy trình tác nghiệp chuẩn SOP". Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, kết nối thương hiệu với Tổng Công ty, quán triệt, tuyên truyền sứ mệnh tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Công ty đến toàn thể NLĐ và các đối tác.

6. Lãnh đạo đẩy mạnh công tác mở tuyến mới, thu hút các đơn vị tham gia. Mở rộng sản xuất kinh doanh bằng hình thức liên kết, liên doanh để tạo hoạt động đa dạng, hiệu quả cao.

7. Phối hợp các Doanh nghiệp vận tải triển khai thực hiện tốt kế hoạch phục vụ hành khách trong đợt cao điểm Lễ, Tết.

8. Thực hiện đầy đủ các quy định đối với Công ty đại chúng đã lên sàn UPCOM theo luật chứng khoán, phát huy việc giao dịch cổ phiếu, quảng bá rộng rãi đến nhà đầu tư và tăng khả năng huy động vốn.

9. Thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị vận tải trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, các dịch vụ phục vụ hành khách tại hai bến. Chú trọng công tác đảm bảo ANTT, VSTP, PCCN..., Duy trì, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu khách hàng đặc biệt là các khách hàng lớn, lâu năm.

10. Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành một cách triệt để, có hiệu quả, nâng cấp phần mềm quản lý xe ra vào bến phù hợp theo đúng quy định của Bộ GTVT.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đóng góp ý kiến thiết thực.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**Ngô Quang Trung**

***Nơi nhận:***
- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu: VT.Thư ký HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
**BAN KIỂM SOÁT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020*

# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn;*
- *Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.*

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 về kết quả hoạt động kiểm soát tại Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn trong năm 2019 với những nội dung chủ yếu sau:

## I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2019:

### 1. Về kết quả hoạt động của Công ty năm 2019:

Qua kiểm tra giám sát tình hình hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019 như sau:

ĐVT: triệu đồng.

| Chỉ tiêu | Thực hiện Năm 2018 | Kế Hoạch năm 2019 | Thực hiện Năm 2019 | Tỷ lệ thực hiện | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | So với kế hoạch | So với cùng kỳ |
| Doanh thu thực hiện | 51,020 | 46,950 | 47,581 | 101.3% | 93.3% |
| Lợi nhuận trước thuế | 25,505 | 21,391 | 22,394 | 104.7% | 87.8% |
| Lợi nhuận sau thuế | 20,340 | 17,043 | 17,779 | 104.3% | 87.4% |
| Nộp ngân sách | 9,451 | 5,439 | 8,598 | 158.1% | 91.0% |
| Thu nhập bình quân | 12.93 | 12.18 | 12.66 | 103.9% | 97.9% |

**Nhận xét, qua số liệu trên:**

- Doanh thu năm 2019 là 47,58 tỷ đồng đạt 101,3% so với kế hoạch, giảm 6,7% so với cùng kỳ (do năm 2018 có phát sinh thu nhập bất thường từ miễn tiền thuê đất là 4,12 tỷ đồng) và tăng 1,5% so với cùng kỳ (sau khi đã loại trừ thu nhập bất thường từ miễn tiền thuê đất).

- Lợi nhuận trước thuế 22,39 tỷ đồng đạt 104,7% so với kế hoạch, giảm 12,2% so với cùng kỳ (do năm 2018 có phát sinh lợi nhuận bất thường từ miễn tiền thuê đất) và tăng 4,7% so với cùng kỳ (sau khi đã loại trừ lợi nhuận bất thường từ miễn tiền thuê đất).

- Thu nhập của người lao động bình quân năm 2019 là 12,66 triệu đồng, vượt 3,9% so với kế hoạch.

Công ty đã tiết kiệm những chi phí không cần thiết, nâng cao đời sống, thu nhập cho người lao động, tạo được động lực phấn đấu cho CBCNV Công ty.

### 2. Về công tác chấp hành chế độ kế toán, chính sách pháp luật:

- Công ty đã triển khai và áp dụng phần mềm kế toán Bravo trong việc quản lý tài chính kế toán. Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng

theo quy định về chế độ kế toán. Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của nhà nước về kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt các chế độ báo cáo và đúng quy định của nhà nước và pháp Luật Lao động, Luật Môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã thực hiện tốt việc báo cáo chỉ tiêu tháng, báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm theo đúng qui định; Cập nhật các Nghị định, thông tư mới ban hành để triển khai thực hiện.

- Hàng tháng, quý, năm có kiểm kê, đối chiếu quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

- Công ty quản lý chặt chẽ các khoản công nợ phải thu theo đúng Quy chế công nợ phải thu của đơn vị. Cuối năm có đối chiếu xác nhận công nợ , tỷ lệ đối chiếu đạt 98%. Còn một số đơn vị đã gửi bản đối chiếu nhưng chưa nhận được phản hồi.

- Các số liệu trên báo cáo tài chính năm 2019 phản ánh trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019 của Công ty.

**3. Về công tác quản lý tài chính Công ty năm 2019:**

Được đánh giá qua phân tích một số chỉ tiêu về cơ cấu tài sản và nguồn vốn như sau:

▪ **Về tài sản:** Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2019 là 91.030 triệu đồng. Trong đó:

– Tài sản ngắn hạn: 70.007 triệu đồng, chiếm 76,9% trên tổng tài sản, giảm 14% so với cùng kỳ

– Tài sản dài hạn: 21.023 triệu đồng, chiếm 23,1% trên tổng tài sản, tăng 56,8% so với cùng kỳ.

Công ty đang triển khai thực hiện dự án đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1). Do đó, cơ cấu tài sản của công ty có xu hướng dịch chuyển tăng tài sản dài hạn và giảm tài sản ngắn hạn.

▪ **Về nguồn vốn:** Theo cơ cấu vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, Tổng nguồn vốn là 91.030 triệu đồng. Trong đó:

**+ Nợ phải trả:** Tỷ lệ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn là 16,7%, so sánh với tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính thì khoản nợ phải trả là hợp lý, đảm bảo độ an toàn, Công ty không gặp khó khăn về vốn.

**+ Vốn chủ sở hữu:**

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019 là 75.856 triệu đồng, chiếm 83,33% trên tổng nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu cùng kỳ năm 2018 là 61.866 triệu đồng. Hệ số bảo toàn vốn H = 1,22 > 1.

Công ty không có khoản vay nào, hoạt động kinh doanh của Công ty hoàn toàn bằng vốn góp của cổ đông nên chủ động về vốn kinh doanh.

Một số chỉ tiêu tài chính như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|---|---|---|
| **Đánh giá khả năng thanh toán năm 2019** | | | |
| 1 | Khả năng thanh toán tổng quát: Tổng tài sản/ Tổng nợ phải trả | 2,9 | 6,0 |
| 2 | Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn | 2,5 | 4,6 |
| 3 | Hệ số nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu | 0,53 | 0,2 |

| Các tỷ lệ về cơ cấu tài sản và lợi nhuận năm 2019 | | | |
|---|---|---|---|
| 3 | Tổng tài sản cố định+ XDCB dở dang và đầu tư dài hạn / Tổng tài sản | 13,9% | 22,1% |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA) | 21.4% | 19,5% |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE) | 32,9% | 23,4% |
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ | 40,7% | 35,6% |

*** Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

+ EPS = Lợi nhuận sau thuế / Tổng số cổ phần phổ thông = 3.556 đồng

Qua các chỉ tiêu tính toán như trên: Các chỉ tiêu thanh toán của Công ty có xu hướng tăng trong năm 2019, đảm bảo chỉ số khả năng thanh toán ổn định (>=2). Nhìn chung, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán tốt vì không sử dụng nợ vay. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản tăng là do trong năm Công ty thực hiện đầu tư các hạng mục sửa chữa, nâng cấp tại hai bến xe và thực hiện dự án đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương hiện hữu 1,7 ha. Tuy nhiên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều giảm so với năm 2018 do trong năm 2018 có phát sinh thu nhập bất thường từ miễn tiền thuê đất là 4,12 tỷ đồng, xét về mặt sản xuất kinh doanh hiện tại thì Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận đều tăng qua các năm.

**4. Việc thực hiện quy trình tuyển dụng, việc sử dụng lao động và chi lương, thưởng năm 2019:**

Sử dụng lao động thực tế bình quân năm 2019 là 103 người/104 người, đạt tỷ lệ 99% so với kế hoạch. Trong năm 2019, Công ty có thực hiện lại cơ cấu tổ chức bộ máy, trong đó thành lập thêm 01 phòng ban mới là Phòng Phát triển thị trường và Chăm sóc khách hàng. Tuy nhiên tổng số lao động của toàn Công ty không tăng do Công ty chủ động sắp xếp nhân sự từ nguồn tại chỗ.

Trong năm 2019, Công ty đã tuyển dụng mới 13 lao động thay thế cho các hợp nghỉ việc, nghỉ hưu. Công ty thực hiện tuyển dụng theo đúng quy trình, quy chế tuyển dụng, công khai, minh bạch và đảm bảo các yêu cầu theo tiêu chuẩn chức danh đối với các vị trí tuyển dụng.

- Người quản lý chuyên trách bình quân: 3,17 người, tỷ lệ 86,4%/kế hoạch.
- Người quản lý không chuyên trách bình quân: 6,77 người, tỷ lệ 96,7%/kế hoạch.
- Quỹ lương người lao động: 14.028 triệu đồng tăng 2,5% so với kế hoạch.
- Quỹ lương Người Quản lý (NQL): 1.450 triệu đồng đạt 91,5% so với kế hoạch.
- Quỹ thù lao NQL không chuyên trách: 400,75 triệu đồng đạt 96,5% so với kế hoạch.

Công ty xây dựng quỹ lương và thực hiện chi lương, thưởng cho người lao động và ban điều hành đúng quy định Pháp luật; Quy chế trả lương, trả thưởng và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Đảm bảo các chế độ và quyền lợi cho người lao động.

**5. Tình hình thực hiện dự án đầu tư:**

- Dự án đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương hiện hữu 1,7 ha: Ngày 15/03/2019, HĐQT ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT thống nhất phân kỳ dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)" thành 02 giai đoạn đầu tư. Giai đoạn đầu xây dựng 03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ. Giai đoạn sau xây dựng 03 tầng trên còn lại của nhà điều hành và khu vệ sinh công cộng số 3. Thời gian thực hiện giai đoạn sau sẽ tùy thuộc vào nhu cầu khai thác thực tế. Ngày 03/05/2019, HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-HĐQT phê duyệt dự toán điều chỉnh và kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh theo phân kỳ đầu tư dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)". Thực hiện quyết định trên,

Ban điều hành Công ty đã tổ chức đấu thầu rộng rãi gói thầu Thi công xây dựng và gói thầu Tư vấn giám sát. Công ty đã hoàn thành công tác đấu thầu và tổ chức khởi công công trình ngày 20/07/2019, dự kiến hoàn thành công trình vào tháng 03/2020.

- Dự án Cải tạo mở rộng Bến xe An Sương 4,8ha: Hội đồng nhân dân Thành phố đã thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 trong đó có dự án mở rộng BXAS. Khó khăn của dự án là vấn đề nguồn vốn đầu tư, chi phí giải phóng mặt bằng. Công ty đã báo cáo khái toán chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, Đề án chi tiết dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8ha) trình Hội đồng quản trị xem xét, đồng thời tiếp tục tìm kiếm kêu gọi các nhà đầu tư để tham gia hợp tác đầu tư đền bù giải phóng mặt bằng, triển khai dự án. Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, Công ty đã liên hệ làm việc với Phòng TNMT và Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng Huyện Hóc Môn phối hợp thực hiện các thủ tục pháp lý về bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án. Đến nay, UBND xã Bà Điểm đã hoàn thành công tác điều tra thống kê danh sách hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án. Phòng TNMT huyện Hóc Môn đang triển khai điều tra xã hội học các hộ dân trong phạm vi dự án và xây dựng kế hoạch thu hồi đất trình UBND huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

- Dự án Bến xe Sông Tắc đã có quy hoạch phân khu 1/2000 khu dân cư Tam Đa, trong đó xác định quy mô Diện tích Bến xe Sông Tắc là 18,34 ha. Khó khăn của dự án là vấn đề nguồn vốn đầu tư (kinh phí giải phóng mặt bằng ước tính khoảng 200 tỷ đồng) và chưa có đấu nối giao thông đối ngoại với đường cao tốc Sài Gòn-Long Thành-Dầu Giây. Thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 21/5/2018 và Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 17/7/2018 của Hội đồng quản trị, theo đó việc lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Bến xe Sông Tắc dời qua kế hoạch năm 2019. Tuy nhiên căn cứ tình hình hoạt động SXKD thực tế và để tập trung vào thực hiện dự án đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương, Công ty tạm ngưng chưa đưa vào kế hoạch đầu tư dự án năm 2019.

- Công ty cũng đã triển khai các công trình cải tạo sửa chữa nhằm nâng cấp chất lượng cơ sở vật chất tại 02 bến xe.

## II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT:

### 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 10 cuộc họp, trong đó có 04 cuộc họp định kỳ và 06 cuộc họp đột xuất để đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý và các cuộc họp khác liên quan đến công tác chuẩn bị đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, điều chỉnh lương chức danh, sửa đổi và bổ sung các quy chế, quy định... Qua đó, đã ban hành 12 Nghị quyết và 11 Quyết định liên quan đến các lĩnh vực trên.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty và theo luật định. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều bám sát các chỉ tiêu, định hướng mà nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2019 đề ra. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ, góp ý, hỗ trợ chỉ đạo kịp thời cho Ban Tổng giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

### 2. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Công tác điều hành luôn tuân thủ quy định của pháp luật, bám sát và tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng chức năng và thẩm quyền.

- Ban Tổng giám đốc cũng phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban kiểm soát trong công tác kiểm soát hoạt động, cung cấp đầy đủ các thông tin báo cáo và dữ liệu liên quan để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

**3. Hoạt động của Ban Kiểm Soát:**

- Ban kiểm soát đã thực hiện việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban thực hiện kiểm tra giám sát từng lĩnh vực hoạt động của công ty, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban kiểm soát để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng với Ban điều hành, tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Những kiến nghị đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

- Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra, giám sát với những nội dung chủ yếu liên quan đến công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, việc chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Xem xét sổ sách kế toán, các tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng, năm 2019. Số thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp là 3/3 người. Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có biên bản làm việc ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

- Trên cơ sở Quy chế làm việc của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để kịp thời tham gia đóng góp ý kiến cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành Công ty.

## III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

**1. Nhận xét:**

- Năm 2019 Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã có những giải pháp, chiến lược phù hợp chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, bổ sung xây dựng đội ngũ quản lý, điều hành nhằm đáp ứng theo yêu cầu và tốc độ phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm cải thiện đời sống, thu nhập cho người lao động, đã tạo thêm động lực phấn đấu cho CBCNV Công ty.

- Nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định và phát triển, hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019, thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2019 và nghị quyết hội đồng quản trị, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế và làm tròn trách nhiệm với cổ đông.

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT. Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

**2. Kiến nghị:**

- Về thực hiện dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương hiện hữu 1,7ha: dự kiến hoàn thành trong tháng 3/2020, đề nghị Công ty giám sát, yêu cầu đơn vị thi công đẩy nhanh tiến

độ, hoàn thành công trình đúng thời hạn, đồng thời có phương án sắp xếp, phân khu chức năng hợp lý để đưa vào hoạt động hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng nguồn thu cho đơn vị.

- Về thực hiện dự án Đầu tư Bến xe An Sương mở rộng 4,8: Ban Tổng giám đốc cần thường xuyên báo cáo tình hình triển khai dự án với HĐQT, đồng thời tăng cường tìm kiếm các đối tác đầu tư chiến lược, huy động các nguồn lực để triển khai thực hiện và khai thác dự án một cách có hiệu quả.

- Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và các nội dung theo thông báo số 58/TB-VP ngày 04/02/2020 của UBND Thành phố liên quan đến công tác chuyển thể công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

- Nhìn chung các quy chế, quy định được ban hành căn cứ vào các quy định của pháp luật, Điều lệ và tình hình thực tế tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số quy chế, quy định được ban hành trong giai đoạn trước đây nên đến nay không còn phù hợp với các quy định có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung. Đề nghị Công ty cần thường xuyên rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và tình hình thực tế tại doanh nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường quản lý nguồn thu, nguồn chi. Tiếp tục giữ vững an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường.

Trên đây là một số ý kiến của Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về tổ chức hoạt động và sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020.

Kính chúc quý cổ đông, quý vị đại biểu, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành nhiều sức khỏe và chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**
**TRƯỞNG BAN**

**Lê Thị Thanh Thuận**

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**
**(STP.JSC)**

Số:../16../TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 06 năm 2020*

# TỜ TRÌNH

**Về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019, tổng quỹ lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2020 và một số vấn đề khác.**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ vào Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (Công ty);

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh thực hiện năm 2019 và kế hoạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020;

Công ty kính trình Hội đồng quản trị các vấn đề sau:

## I. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2019:

### 1. Trích lập các quỹ

| | | |
|---|---|---|
| Tổng Doanh thu | : | 47.557.858.503 đồng |
| Tổng Doanh thu | : | 47.557.858.503 đồng |
| Lợi nhuận trước thuế: | : | 22.394.479.948 đồng |
| Lợi nhuận sau thuế (LNPP) | : | 17.779.173.133 đồng |
| - Quỹ đầu tư phát triển (5%) | : | 888.958.657 đồng |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trong đó: | : | 3.507.150.000 đồng |
| + Quỹ khen thưởng | : | 876.787.500 đồng |
| + Quỹ phúc lợi | : | 2.630.362.500 đồng |
| - Thưởng HĐQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty | : | 181.260.000 đồng |

| | | |
|---|---|---|
| - Chia cổ tức: 14%/VĐL | : | 7.000.000.000 đồng |
| Lợi nhuận năm 2019 còn lại sau trích lập quỹ, chia cổ tức | : | 6.201.804.476 đồng |
| Lợi nhuận năm trước còn lại | : | 991.559.575 đồng |
| Tổng lợi nhuận còn để lại | : | 7.193.364.051 đồng |

**2. Chia cổ tức năm 2019**

| | | |
|---|---|---|
| + Chia cổ tức | | 14%/VĐL |
| + Chi trả cổ tức bằng tiền | | 7.000.000.000 đồng |
| *Căn cứ theo nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 10/02/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 26/02/2020 chi tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỉ lệ 10%/VĐL tương đương* ***5.000.000.000 đồng.*** | : | |

**II. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:**

| | | |
|---|---|---|
| Tổng Doanh thu | : | 50.700.000.000 đồng |
| Lợi nhuận trước thuế: | : | 22.621.800.000 đồng |
| Lợi nhuận sau thuế (LNPP) | : | 18.017.438.000 đồng |
| - Quỹ đầu tư phát triển | : | Trích 5% lợi nhuận phân phối |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi | : | Trích 03 tháng lương bình quân thực hiện của NLĐ nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch. |
| - Thưởng HĐQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty | : | Trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch. |
| Tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 | : | Dự kiến 10%-20%/VĐL |

**III. Dự kiến Tổng quỹ lương năm 2020:**

| | | |
|---|---|---|
| Tổng Doanh thu | : | 50.700.000.000 đồng |
| Lợi nhuận sau thuế (LNPP) | : | 18.017.438.000 đồng |
| Tổng quỹ lương của Công ty | : | 16.444.200.000 đồng |
| - Quỹ lương Người quản lý công ty | : | 1.728.000.000 đồng |
| - Quỹ lương Người lao động | : | 14.301.000.000 đồng |
| - Tổng thù lao thành viên HĐQT, Ban KS | : | 415.200.000 đồng |

**IV. Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban KS năm 2020:**

| | | |
|---|---|---|
| Chủ tịch HĐQT | : | 7.000.000 đồng/người/tháng |
| Thành viên Hội đồng quản trị | : | 5.000.000 đồng/người/tháng |
| Thành viên Ban kiểm soát | : | 3.800.000 đồng/người/tháng |

**V. Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty năm 2020:**

Trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý Công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch (theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐ-TBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016).

**VI. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:** Ủy quyền cho hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp tình hình thực tế tại đơn vị.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu: VT, KTTC(H)

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

**Ngô Quang Trung**

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**
**(STP.JSC)**

Số: 17 /TTr – HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2020*

# TỜ TRÌNH
***V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty***

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn**

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015 ("Luật Doanh nghiệp 2014");

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và các yêu cầu quản trị, điều hành Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ với các điều khoản kèm theo.

Nội dung chi tiết các điểm sửa đổi, bổ sung ***trọng yếu*** của Điều lệ Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Quý cổ đông xem xét nguyên văn Dự thảo Điều lệ Công ty được đăng trong Website: *www.benbaivantaisaigon.com.vn.*

Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

**Ngô Quang Trung**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

Phụ lục: Các nội dung sửa đổi, bổ sung trọng yếu tại Dự thảo Điều lệ Công ty

| ĐIỀU KHOẢN | SAU KHI ĐIỀU CHỈNH |
|---|---|
| **Khoản 1 Điều 20** | Bổ sung khoản 1<br>1. Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua quyết định dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Những trường hợp sau đây, Đại hội đồng cổ đông bắt buộc phải thông qua quyết định dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp:<br>a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;<br>b) Định hướng phát triển công ty;<br>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;<br>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;<br>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; |
| | e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;<br>g) Tổ chức lại, giải thể công ty. |
| **Khoản 3.i Điều 34** | Bổ sung:<br>Tuyển dụng lao động, thay mặt Công ty ký kết hợp đồng lao động trong thẩm quyền và phù hợp với qui định của pháp luật và Điều lệ công ty. |

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**
**(STP.JSC)**

Số:...../NQ-ĐHĐCĐ

**DỰ THẢO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020*

# NGHỊ QUYẾT
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
# CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Căn cứ Luật số 68/2014/QH13 Luật Doanh Nghiệp có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;

Căn cứ nội dung chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Căn cứ biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 22 tháng 6 năm 2020.

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 13/BC-HĐQT ngày 10/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

a) Các chỉ tiêu thực hiện năm 2019

| | | |
|---|---|---|
| - Doanh thu | : | 47.557.858.503 đồng. |
| - Lợi nhuận trước thuế | : | 22.394.479.948 đồng. |
| - Lợi nhuận sau thuế | : | 17.779.173.133 đồng. |
| - Nộp ngân sách | : | 8.598.018.754 đồng. |
| - Tiền lương bình quân | | 12.150.000 đồng/ng/tháng. |
| + Người lao động | : | 11.350.000 đồng/ng/tháng. |
| + Người quản lý doanh nghiệp | : | 38.160.000 đồng/ng/tháng. |

b) Kế hoạch kinh doanh năm 2020

| | | |
|---|---|---|
| - Doanh thu | : | 50.700.000.000 đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế | : | 22.621.800.000 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế | : | 18.017.438.000 đồng |

| | | |
|---|---|---|
| - Nộp ngân sách | : | 5.850.268.000 đồng. |
| - Tiền lương bình quân | | 12.250.000 đồng/ng/tháng. |
| + Người lao động | : | 11.350.000 đồng/ng/tháng. |
| + Người quản lý doanh nghiệp | : | 36.000.000 đồng/ng/tháng. |
| c) Kế hoạch đầu tư năm 2020 | | 34.877.553.000 đồng. |
| - Kế hoạch đầu tư tài sản, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên | : | 23.165.325.000 đồng. |
| - Kế hoạch đầu tư phục vụ nhu cầu mở rộng sản xuất | : | 11.712.228.000 đồng. |
| d) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 cho phù hợp với tình hình thực tế. | | |

**Điều 2**. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 14/BC-HĐQT ngày 10/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

**Điều 3**. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

**Điều 4**. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 15/BC-HĐQT ngày 10/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019.

**Điều 5.** Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo ngày 16/3/2020 của Ban kiểm soát Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2019.

**Điều 6.** Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 16/TTr-HĐQT ngày 10/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019, tổng quỹ lương, thù lao thành viên HĐQT, Ban KS, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2020 và một số vấn đề khác.

*6.1. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2019:*

| | | |
|---|---|---|
| Tổng Doanh thu | : | 47.557.858.503 đồng |
| Lợi nhuận trước thuế: | : | 22.394.479.948 đồng |

| | | |
|---|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế (LNPP) | : | 17.779.173.133 đồng |
| - Quỹ đầu tư phát triển (5%) | : | 888.958.657 đồng |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi | : | 3.507.150.000 đồng |
| + Quỹ khen thưởng | : | 876.787.500 đồng |
| + Quỹ phúc lợi | : | 2.630.362.500 đồng |
| - Thưởng HĐQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty | : | 181.260.000 đồng |
| Lợi nhuận năm 2019 còn lại sau trích lập quỹ, chia cổ tức | : | 6.201.804.476 đồng |
| Lợi nhuận các năm trước còn lại | : | 991.559.575 đồng |
| Tổng lợi nhuận còn lại | : | 7.193.364.051 đồng |
| + Chia cổ tức | | 14%/VĐL |
| + Chi trả cổ tức bằng tiền | | 7.000.000.000 đồng |
| *Căn cứ theo nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 10/02/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 26/02/2020 chi tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỉ lệ 10%/VĐL tương đương 5.000.000.000 đồng.* | : | |

*6.2. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:*

| | | |
|---|---|---|
| Tổng Doanh thu | : | 50.700.000.000 đồng |
| Lợi nhuận trước thuế: | : | 22.621.000.000 đồng |
| Lợi nhuận sau thuế (LNPP) | : | 18.017.438.000 đồng |
| - Quỹ đầu tư phát triển | : | Trích 5% lợi nhuận phân phối |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi | : | Trích 03 tháng lương bình quân thực hiện của NLĐ nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch. |
| - Thưởng HĐQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty | : | Trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách |

| | | |
|---|---|---|
| | | nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch. |
| Tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 | : | Dự kiến từ 10% - 20%/VĐL |

*6.3. Dự kiến Tổng quỹ lương năm 2020:*

| | | |
|---|---|---|
| Tổng Doanh thu | : | 50.700.000.000 đồng |
| Lợi nhuận sau thuế (LNPP) | : | 18.017.438.000 đồng |
| Tổng quỹ lương của Công ty | : | 16.444.200.000 đồng |
| - Quỹ lương Người quản lý công ty | : | 1.728.000.000 đồng |
| - Quỹ lương Người lao động | : | 14.301.000.000 đồng |
| - Tổng thù lao thành viên HĐQT, Ban KS | : | 415.200.000 đồng |

*6.4. Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban KS năm 2020:*

| | | |
|---|---|---|
| Chủ tịch HĐQT | : | 7.000.000 đồng/người/tháng |
| Thành viên Hội đồng quản trị | : | 5.000.000 đồng/người/tháng |
| Thành viên Ban kiểm soát | : | 3.800.000 đồng/người/tháng |

*6.5. Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty năm 2020:*

Trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý Công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch (theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐ-TBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016).

6.6. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 Ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

**Điều 7.** Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 10/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

**Điều 8.** Giao Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết này và báo cáo tình hình thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông kỳ tới.

**Điều 9. Điều khoản thi hành**

9.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn được lập, công bố và thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 22 tháng 6 năm 2020.

9.2. Giao Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và đăng tải trên Website của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (www.benbaivantaisaigon.com.vn) theo quy định của pháp luật về công bố thông tin. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

9.3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn chịu trách nhiệm và thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

***Nơi nhận:***
- UBCKNN, SGDCKHN (để b/c);
- Tổng Công ty Samco (để b/c);
- CBTT trên Website Cty;
- TV.HĐQT, Ban TGĐ Cty;
- BKS Cty, Cổ đông;
- Đảng ủy, CĐ, ĐTN Cty;
- Các Phòng ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT(01b).N.17.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**